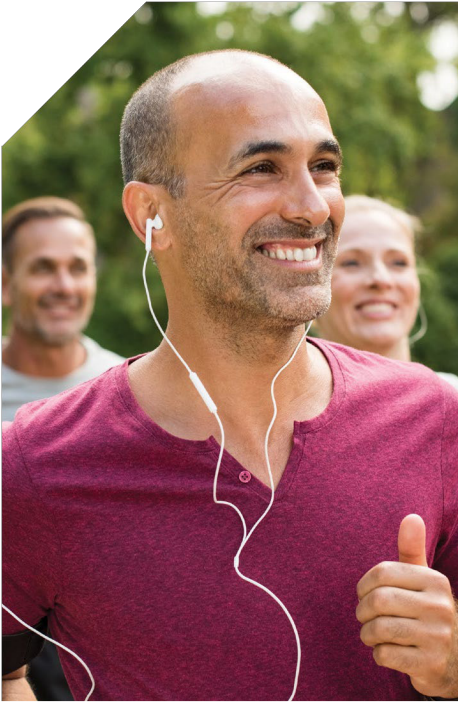


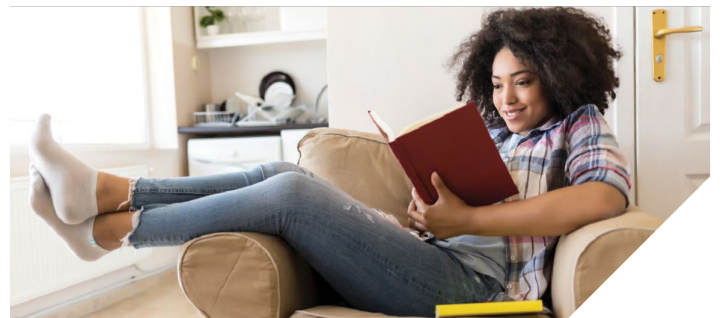


FROM



DANH MỤC THUỐC NĂM 2025

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY
1 THÁNG 1 NĂM 2025



Ambetter.WellCareNewJersey.com

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc kê toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0 - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1_A - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2 - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưa tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3 - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4 - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc theo toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.
#/+	Không áp dụng	Các loại thuốc trong danh mục thuốc có ký hiệu #/+ đi kèm có thể áp dụng khoản đồng thanh toán khác đối với các thiết kế quyền lợi nhất định. Vui lòng tham khảo các tài liệu về quyền lợi của quý vị để biết thêm thông tin.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “Các lần mua thuốc đầu tiên bị giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc đủ dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc thuộc nhóm opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine sulfate TABS PO</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 20 MG, 25 MG, 30 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 15 MG</i>	1	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS PO 30 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 PO 5 MG</i>	1	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 PO 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS PO 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS PO 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS PO</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>methamphetamine hcl PO</i>	1	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Anorexiant Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS PO</i>	1	PA
<i>phentermine hcl CAPS PO</i>	1	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRACE PO	3	QL(4 EA daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl PO 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl PO 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12 PO</i>	1	
<i>guanfacine hcl (adhd) PO</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI PO 150 MG	3	QL(1 EA daily); PA
SUNOSI PO 75 MG	3	QL(2 EA daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil PO</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24 PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW PO 5 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW PO 10 MG</i>	1	QL(5 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW PO 2.5 MG</i>	1	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 PO 30 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 PO 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR PO</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN PO</i>	1	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS PO 5 MG</i>	1	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS PO 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 PO 18 MG, 27 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 PO 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR PO 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR PO 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR PO 18 MG, 27 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil PO 100 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil PO 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML</i>	1	
<i>neomycin sulfate TABS PO</i>	1	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 2 GM/50ML, 10 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ML daily); PA
RINVOQ TB24 PO	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ XR TB24 PO	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ML daily); PA
XELJANZ TABS	4	QL(2 EA daily); PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
CYLTEZO (2 PEN) AJKT	4	QL(0.215 EA daily); PA
CYLTEZO (2 PEN) AJKT	4	QL(0.072 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 EA daily); PA	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.215 EA daily); PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.29 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	Gold Compounds		
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	RIDAURA PO	3	QL(3 EA daily)
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	Interleukin-1 Blockers		
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); PA
			Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
			KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA
			KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA
			Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
			<i>celecoxib PO</i>	1	QL(2 EA daily)
			<i>diclofenac potassium TABS PO 50 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diclofenac sodium TB24 PO</i>	1	
<i>diclofenac sodium TBEC PO</i>	1	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC PO</i>	1	
<i>etodolac CAPS PO</i>	1	
<i>etodolac TABS PO</i>	1	
<i>fenoprofen calcium TABS PO</i>	1	QL(4 EA daily); PA
<i>flurbiprofen TABS PO</i>	1	
<i>ibuprofen SUSP PO 100 MG/5ML</i>	1	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS PO 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1	
<i>indomethacin CAPS PO 25 MG, 50 MG</i>	1	
<i>indomethacin CPCR PO</i>	1	
<i>ketoprofen CAPS PO 50 MG</i>	1	
<i>ketorolac tromethamine TABS PO</i>	1	QL(0.667 EA daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS PO</i>	1	
<i>mefenamic acid CAPS PO</i>	1	Must try ibuprofen.; QL(5 EA daily); PA
<i>meloxicam TABS PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>nabumetone PO</i>	1	
<i>naproxen sodium TABS PO 550 MG</i>	1	
<i>naproxen SUSP PO</i>	1	PA
<i>naproxen TABS PO</i>	1	
<i>naproxen TBEC PO 500 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>oxaprozin TABS PO</i>	1	
<i>piroxicam CAPS PO</i>	1	
<i>sulindac TABS PO</i>	1	
<i>tolmetin sodium CAPS PO</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tolmetin sodium TABS PO 600 MG</i>	1	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
OTEZLA TABS PO	4	QL(2 EA daily); PA
OTEZLA TBPK PO	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
OTEZLA TBPK PO	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide PO</i>	1	QL(1 EA daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ML daily); PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS PO 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS PO 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS PO 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS PO 50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS PO</i>	1	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Salicylates		
<i>aspirin CHEW PO</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TABS PO 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC PO 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>diflunisal TABS PO</i>	1	
<i>salsalate PO</i>	1	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Opioid Agonists		
<i>codeine sulfate TABS PO 30 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
CODEINE SULFATE TABS PO	1	New starts limited to 7 day supply
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1	QL(4 EA daily); PA
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1	QL(0.34 EA daily)
<i>hydrocodone bitartrate CP12 PO</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>hydromorphone hcl LIQD PO</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1	
<i>hydromorphone hcl TABS PO</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 PO 32 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydromorphone hcl TB24 PO 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>levorphanol tartrate TABS PO 2 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1	
<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)
<i>meperidine hcl TABS PO 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>methadone hcl CONC PO</i>	1	QL(10 ML daily)
<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1	
<i>methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1	QL(100 ML daily)
<i>methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1	QL(50 ML daily)
METHADONE HCL SOLN IJ	1	
<i>methadone hcl TABS PO 10 MG</i>	1	QL(10 EA daily)
<i>methadone hcl TABS PO 5 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>methadone hcl TBSO PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>morphine sulfate CP24 PO 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)
<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)
<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>morphine sulfate TABS PO</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS PO 30 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>morphine sulfate TBCR PO</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS PO 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>oxycodone hcl T12A PO 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS PO 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl TABS PO</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine PO 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TABS PO</i>	1	QL(12 EA daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine PO 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 PO 40 MG</i>	1	QL(4 EA daily); PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod PO</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN PO 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN PO 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS PO 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
SUBSYS LIQD 1200 MCG, 1600 MCG, 800 MCG	3	QL(8 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS PO 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>tramadol hcl TABS PO 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen PO 7.5 MG-200 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<i>tramadol hcl TB24 PO</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen PO 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1	PA
Opioid Combinations					
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN PO</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS PO 60 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS PO 15 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS PO 325 MG-2.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS PO 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>tramadol-acetaminophen PO</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1	QL(0.143 EA daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1	
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1	QL(0.34 ML daily); PA
<i>nalbuphine hcl</i>	1	QL(8 ML daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl PO</i>	1	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone PO</i>	1	
Androgens		
<i>ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR</i>	2	QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>danazol CAPS PO</i>	1	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 GM daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal) PR</i>	1	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal) PR</i>	1	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal) PR</i>	1	QL(2 GM daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole PO</i>	1	PA
<i>EMVERM CHEW PO</i>	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin PO</i>	1	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel PO</i>	1	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 PO 1000 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>ranolazine TB12 PO 500 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS PO 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TABS PO</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TB24 PO</i>	1	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR PO</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1	
ANTI-ANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl PO</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SYRP PO</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl TABS PO</i>	1	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS PO</i>	1	
<i>meprobamate PO</i>	1	QL(6 EA daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS PO</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24 PO</i>	1	
<i>alprazolam TBDP PO</i>	1	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS PO</i>	1	
<i>clorazepate dipotassium TABS PO</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diazepam CONC</i>	1	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1	
<i>diazepam TABS PO</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC PO</i>	1	
<i>lorazepam TABS PO 0.5 MG, 2 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>lorazepam TABS PO 1 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>oxazepam CAPS PO</i>	1	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS PO</i>	1	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1	
<i>quinidine sulfate TABS PO</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl PO</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate PO</i>	1	
<i>propafenone hcl CP12 PO</i>	1	
<i>propafenone hcl TABS PO</i>	1	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1	
<i>amiodarone hcl TABS PO</i>	1	
<i>dofetilide PO</i>	1	
ANTI-ASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ML daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 EA daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ML daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ML daily); PA
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ML daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 EA daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ML daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1	QL(8 ML daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 GM daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1	QL(15 ML daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 GM daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1	QL(1 EA daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium PACK PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium TABS PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>zafirlukast PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>zileuton TB12 PO</i>	3	QL(4 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast PO</i>	3	QL(1 EA daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
ARNUITY ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1	QL(4 ML daily); PA
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1	QL(0.8 GM daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
QVAR REDHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
Sympathomimetics		
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1	
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1	
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1	QL(15 ML daily)
<i>albuterol sulfate SYRP PO</i>	1	
<i>albuterol sulfate TABS PO</i>	1	
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1	QL(4 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREO ELLIPTA (fluticasone furoate-vilanterol)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 GM daily)	STRIVERDI RESPIMAT	2	
budesonide-formoterol fumarate dihydrate	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	terbutaline sulfate SOLN	1	
			terbutaline sulfate TABS PO	1	
			TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)
			Xanthines		
			aminophylline SOLN	1	
			theophylline ELIX PO	1	
DULERA	2		theophylline SOLN PO	1	QL(56 ML daily)
fluticasone furoate-vilanterol	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	theophylline TB12 PO	1	
			theophylline TB24 PO	1	
			ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
			Coumarin Anticoagulants		
			warfarin sodium TABS PO	1	
			Direct Factor Xa Inhibitors		
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
fluticasone-salmeterol AERO	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)
formoterol fumarate NEBU	1	QL(4 ML daily)	XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
ipratropium-albuterol SOLN	1	QL(18 ML daily)	XARELTO SUSR	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
levalbuterol hcl	1	QL(12 ML daily)	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)
levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML	1				
levalbuterol tartrate	1	QL(0.5 GM daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 EA daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit)
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail)
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail)
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail)
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ML per 180 day(s) retail; 5 ML per 180 days mail)
FRAGMIN SOSY	4	PA
HEPARIN (PORCINE) IN NAACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1	
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS PO</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 EA daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 EA daily); PA
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 EA daily); PA
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 EA daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1	QL(16 ML daily); PA
<i>clobazam TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>clonazepam TABS PO</i>	1	
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL PR</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
Anticonvulsants - Misc.		
APTIOM	3	QL(2 EA daily); PA
BANZEL TABS PO 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 EA daily); PA
BANZEL TABS PO 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 EA daily); PA
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	3	QL(20 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BRIVIACT TABS	3	QL(2 EA daily); PA	<i>levetiracetam TABS PO 500 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>carbamazepine CHEW PO 100 MG</i>	1		<i>levetiracetam TABS PO 1000 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 PO 100 MG</i>	1		<i>levetiracetam TABS PO 250 MG, 750 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 PO 300 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>levetiracetam TB24 PO</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 PO 200 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	<i>oxcarbazepine SUSP PO</i>	1	QL(40 ML daily)
<i>carbamazepine SUSP PO</i>	1		<i>oxcarbazepine TABS PO 600 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TABS PO</i>	1		<i>oxcarbazepine TABS PO 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 PO 200 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	<i>pregabalin CAPS PO 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 EA daily); PA
<i>carbamazepine TB12 PO 100 MG, 400 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>pregabalin CAPS PO 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ML daily); PA
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	<i>primidone PO 50 MG, 250 MG</i>	1	
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	<i>rufinamide SUSP</i>	1	QL(80 ML daily); PA
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	<i>rufinamide TABS PO 400 MG</i>	1	QL(8 EA daily); PA
EPIDIOLEX	3	PA	<i>rufinamide TABS PO 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>gabapentin CAPS PO</i>	1		TEGRETOL SUSP PO (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>gabapentin SOLN PO</i>	1	QL(60 ML daily)	TEGRETOL TABS PO (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>gabapentin TABS PO 600 MG, 800 MG</i>	1		<i>topiramate CPSP PO 15 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	1	QL(40 ML daily)	<i>topiramate CPSP PO 25 MG</i>	1	QL(8 EA daily)
<i>lacosamide TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>topiramate CS24 PO</i>	3	PA
<i>lamotrigine CHEW PO 5 MG</i>	1	QL(100 EA daily)	<i>topiramate TABS PO 25 MG, 100 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>lamotrigine CHEW PO 25 MG</i>	1	QL(20 EA daily)	<i>topiramate TABS PO 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>lamotrigine TABS PO</i>	1		<i>topiramate TABS PO 50 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>lamotrigine TBP PO</i>	1	QL(1 EA daily)			
<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1	QL(30 ML daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zonisamide CAPS PO</i>	1	QL(6 EA daily)
Carbamates		
<i>felbamate SUSP</i>	1	QL(30 ML daily)
<i>felbamate TABS PO 600 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>felbamate TABS PO 400 MG</i>	1	QL(9 EA daily)
GABA Modulators		
<i>tiagabine hcl PO</i>	1	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); PA
Hydantoins		
<i>DILANTIN PO (phenytoin sodium extended)</i>	2	
<i>DILANTIN PO</i>	2	
<i>DILANTIN INFATABS CHEW PO (phenytoin)</i>	2	
<i>DILANTIN-125 SUSP PO (phenytoin)</i>	2	
<i>DILANTIN SUSP PO (phenytoin)</i>	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1	
<i>phenytoin sodium extended PO 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1	
<i>phenytoin CHEW PO</i>	1	
<i>phenytoin SUSP PO</i>	1	
Succinimides		
<i>ethosuximide CAPS PO</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>ethosuximide SOLN PO</i>	1	QL(30 ML daily)
<i>methsuximide</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>ZARONTIN CAPS PO (ethosuximide)</i>	2	QL(6 EA daily)
Valproic Acid		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>divalproex sodium TB24 PO</i>	1	
<i>divalproex sodium TBEC PO</i>	1	
<i>valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1	
<i>valproic acid CAPS PO</i>	1	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>mirtazapine TABS PO 7.5 MG, 45 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>mirtazapine TABS PO 30 MG</i>	1	QL(1.5 EA daily)
<i>mirtazapine TABS PO 15 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>mirtazapine TBDP PO 30 MG</i>	1	QL(1.5 EA daily)
<i>mirtazapine TBDP PO 45 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>mirtazapine TBDP PO 15 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
Antidepressants - Misc.		
<i>bupropion hcl TABS PO</i>	1	+; QL(3 EA daily)
<i>bupropion hcl TB12 PO 150 MG</i>	1	+; QL(3 EA daily)
<i>bupropion hcl TB12 PO 100 MG</i>	1	+; QL(4 EA daily)
<i>bupropion hcl TB12 PO 200 MG</i>	1	+; QL(2 EA daily)
<i>bupropion hcl TB24 PO 300 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>bupropion hcl TB24 PO 150 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
<i>EMSAM</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>MARPLAN PO</i>	2	QL(6 EA daily)
<i>phenelzine sulfate PO</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tranylcypromine sulfate</i> PO	1		<i>fluvoxamine maleate</i> TABS PO 25 MG, 50 MG	1	+; QL(2 EA daily)
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists			<i>paroxetine hcl SUSP</i> PO	1	QL(30 ML daily)
SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA	<i>paroxetine hcl</i> TABS PO 40 MG	1	#; QL(1 EA daily)
SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA	<i>paroxetine hcl</i> TABS PO 10 MG	1	#; QL(6 EA daily)
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)			<i>paroxetine hcl</i> TABS PO 20 MG	1	#; QL(3 EA daily)
<i>citalopram hydrobromide</i> SOLN PO	1	QL(20 ML daily)	<i>paroxetine hcl</i> TABS PO 30 MG	1	#; QL(2 EA daily)
<i>citalopram hydrobromide</i> TABS PO 10 MG	1	#; QL(4 EA daily)	<i>paroxetine hcl</i> TB24 PO 25 MG, 37.5 MG	1	QL(2 EA daily)
<i>citalopram hydrobromide</i> TABS PO 40 MG	1	#; QL(1 EA daily)	<i>paroxetine hcl</i> TB24 PO 12.5 MG	1	QL(1 EA daily)
<i>citalopram hydrobromide</i> TABS PO 20 MG	1	#; QL(2 EA daily)	<i>sertraline hcl</i> CONC PO	1	QL(10 ML daily)
<i>escitalopram oxalate</i> SOLN PO	1	QL(20 ML daily)	<i>sertraline hcl</i> TABS PO 100 MG	1	#; QL(2 EA daily)
<i>escitalopram oxalate</i> TABS PO 5 MG	1	+; QL(4 EA daily)	<i>sertraline hcl</i> TABS PO 25 MG, 50 MG	1	#; QL(4 EA daily)
<i>escitalopram oxalate</i> TABS PO 20 MG	1	+; QL(1 EA daily)	Serotonin Modulators		
<i>escitalopram oxalate</i> TABS PO 10 MG	1	+; QL(2 EA daily)	<i>nefazodone hcl</i> PO	1	
<i>fluoxetine hcl</i> CAPS PO 20 MG	1	#; QL(3 EA daily)	<i>trazodone hcl</i> TABS PO	1	
<i>fluoxetine hcl</i> CAPS PO 40 MG	1	#; QL(2 EA daily)	TRINTELLIX PO	3	QL(1 EA daily); PA
<i>fluoxetine hcl</i> CAPS PO 10 MG	1	#; QL(1 EA daily)	VIIBRYD STARTER PACK KIT PO	3	1 package(s) per 180 day(s) retail
<i>fluoxetine hcl</i> CPDR PO	1		<i>vilazodone hcl</i> TABS	1	QL(1 EA daily)
<i>fluoxetine hcl</i> SOLN PO	1	QL(20 ML daily)	Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>fluoxetine hcl</i> TABS PO 20 MG	1	QL(3 EA daily)	<i>desvenlafaxine succinate</i> PO 100 MG	1	QL(4 EA daily)
<i>fluoxetine hcl</i> TABS PO 10 MG, 60 MG	1	QL(1 EA daily)	<i>desvenlafaxine succinate</i> PO 25 MG, 50 MG	1	QL(1 EA daily)
<i>fluvoxamine maleate</i> TABS PO 100 MG	1	+; QL(3 EA daily)	<i>duloxetine hcl</i> CPEP PO 40 MG	1	#
			<i>duloxetine hcl</i> CPEP PO 20 MG, 30 MG, 60 MG	1	#; QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA	<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA	<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24 PO 37.5 MG</i>	1	+; QL(4 EA daily)	<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl PO 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 PO 75 MG</i>	1	+; QL(5 EA daily)	<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl PO 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 PO 150 MG</i>	1	+; QL(2 EA daily)	<i>glipizide-metformin hcl PO 500 MG-5 MG</i>	1	+; QL(4 EA daily)
<i>venlafaxine hcl TABS PO</i>	1	#; QL(3 EA daily)	<i>glipizide-metformin hcl PO 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1	+; QL(2 EA daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 PO 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>glyburide-metformin PO 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1	+; QL(4 EA daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 PO 150 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>glyburide-metformin PO 250 MG-1.25 MG</i>	1	+; QL(2 EA daily)
Tricyclic Agents			GLYXAMBI PO	2	QL(1 EA daily)
<i>amitriptyline hcl TABS PO</i>	1	#	JANUMET XR TB24 PO 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)
<i>amoxapine PO</i>	1		JANUMET XR TB24 PO 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>clomipramine hcl PO</i>	1		JANUMET TABS PO	2	QL(2 EA daily)
<i>desipramine hcl TABS PO</i>	1		<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>doxepin hcl CAPS PO</i>	1		<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>doxepin hcl CONC PO</i>	1		<i>saxagliptin-metformin hcl PO 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>imipramine hcl TABS PO</i>	1	+	<i>saxagliptin-metformin hcl PO 1000 MG-2.5 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>imipramine pamoate PO</i>	1		SOLIQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA
<i>nortriptyline hcl CAPS PO</i>	1		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
<i>nortriptyline hcl SOLN PO</i>	1				
<i>protriptyline hcl PO</i>	1				
<i>trimipramine maleate CAPS PO</i>	1				
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar					
Alpha-Glucosidase Inhibitors					
<i>acarbose PO</i>	1	QL(3 EA daily)			
<i>miglitol PO</i>	1	QL(3 EA daily)			
Antidiabetic Combinations					
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1	QL(2 EA daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
XIGDUO XR PO 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR PO (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)
XIGDUO XR PO 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
XIGDUO XR PO (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)
XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA
Biguanides		
<i>metformin hcl TABS PO 500 MG</i>	1	+; QL(5 EA daily)
<i>metformin hcl TABS PO 1000 MG</i>	1	+; QL(2.5 EA daily)
<i>metformin hcl TABS PO 850 MG</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>metformin hcl TB24 PO 750 MG</i>	1	+; QL(3 EA daily)
<i>metformin hcl TB24 PO 500 MG</i>	1	+; QL(4 EA daily)
Diabetic Other		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon (rdna)</i>	1	+; QL(0.035 EA daily)
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>alogliptin benzoate</i>	1	QL(1 EA daily)
JANUVIA PO	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>saxagliptin hcl PO</i>	1	QL(1 EA daily)
Incretin Mimetic Agents		
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
RYBELSUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); PA
TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA
VICTOZA (<i>liraglutide</i>)	2	QL(0.3 ML daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	#; QL(1.34 ML daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	#; QL(1.34 ML daily)
INSULIN ASP PROT & ASP FLEXPEN SUPN	1	#
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1	#
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1	#
INSULIN ASPART PROT & ASPART SUSP	1	#
INSULIN ASPART SOLN IJ	1	#
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	#
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	#
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	#
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	#

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	#
NOVOLIN N SUSP	2	#
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	#
NOVOLIN R SOLN IJ	2	#
REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA
SEMGLEE (YFGN) SOLN	2	#
SEMGLEE (YFGN) SOPN	2	#
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl PO</i>	1	+; QL(1 EA daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide PO</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>repaglinide PO 0.5 MG, 1 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>repaglinide PO 2 MG</i>	1	QL(8 EA daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol PO</i>	2	QL(1 EA daily)
FARXIGA PO (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
JARDIANCE PO	2	QL(1 EA daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride PO 1 MG, 2 MG</i>	1	+; QL(4 EA daily)
<i>glimepiride PO 4 MG</i>	1	+; QL(2 EA daily)
<i>glipizide TABS PO 5 MG, 10 MG</i>	1	+; QL(4 EA daily)
<i>glipizide TB24 PO</i>	1	+; QL(2 EA daily)
<i>glyburide micronized PO 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1	+; QL(4 EA daily)
<i>glyburide TABS PO</i>	1	+; QL(4 EA daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD PO</i>	1	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS PO</i>	1	
<i>loperamide hcl CAPS PO</i>	1	RX/OTC
MOTOFEN PO	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET PO	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS PO</i>	1	PA
<i>deferasirox TBSO</i>	1	PA
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	1	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1	
<i>naltrexone hcl PO</i>	1	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS PO 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1	
<i>granisetron hcl TABS PO</i>	1	QL(0.34 EA daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1	
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1	QL(3.34 ML daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ondansetron hcl TABS PO 8 MG</i>	1	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS PO 24 MG</i>	1	QL(0.143 EA daily)
<i>ondansetron hcl TABS PO 4 MG</i>	1	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP PO 8 MG</i>	1	
<i>ondansetron TBDP PO 4 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS PO 12.5 MG, 25 MG</i>	1	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1	QL(0.34 EA daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS PO</i>	1	
Antiemetics - Miscellaneous		
<i>AKYNZEO PO</i>	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC PO</i>	1	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS PO</i>	1	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS PO 40 MG, 125 MG</i>	1	QL(0.067 EA daily); PA
<i>aprepitant CAPS PO 80 MG</i>	1	QL(0.134 EA daily); PA
<i>aprepitant CAPS PO</i>	1	PA
<i>aprepitant MISC PO</i>	1	PA
<i>VARUBI (180 MG DOSE) TBPK PO</i>	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1	PA
Antifungals		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine PO</i>	1	
<i>griseofulvin microsize SUSP PO</i>	1	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS PO</i>	1	
<i>griseofulvin ultramicrosize PO</i>	1	
<i>nystatin TABS PO</i>	1	
<i>terbinafine hcl TABS PO</i>	1	QL(1 EA daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP PO</i>	1	
<i>fluconazole TABS PO</i>	1	
<i>itraconazole CAPS PO</i>	1	QL(4 EA daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1	QL(20 ML daily); PA
<i>ketoconazole PO</i>	1	
<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)
TOLSURA CAPS PO	4	PA
<i>voriconazole TABS PO</i>	1	QL(4 EA daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1	
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN PO</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbinoxamine maleate TABS PO 4 MG</i>	1		<i>promethazine hcl SUPP PR 50 MG</i>	1	
<i>clemastine fumarate SYRP PO</i>	1		<i>promethazine hcl TABS PO</i>	1	
<i>clemastine fumarate TABS PO 2.68 MG</i>	1		Antihistamines - Piperidines		
<i>diphenhydramine hcl CAPS PO 50 MG</i>	1		<i>cyproheptadine hcl SYRP PO</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl ELIX PO 12.5 MG/5ML</i>	1		<i>cyproheptadine hcl TABS PO</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl LIQD PO 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1		ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1		Adenosine Triphosphate-Citrate Lyase (ACL) Inhibitors		
Antihistamines - Non-Sedating			<i>NEXLETOL</i>	1	PA
<i>cetirizine hcl TABS PO</i>	1	QL(1 EA daily)	Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>CLARITIN TABS PO (loratadine)</i>	1		<i>ezetimibe-simvastatin PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>desloratadine TABS PO</i>	1	QL(1 EA daily)	Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>desloratadine TBDP PO 2.5 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1	QL(4 EA daily); PA
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN PO</i>	1	QL(10 ML daily); RX/OTC	<i>omega-3-acid ethyl esters PO</i>	1	+; QL(4 EA daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS PO</i>	1	QL(1 EA daily); RX/OTC	Bile Acid Sequestrants		
<i>loratadine CAPS PO</i>	1		<i>cholestyramine light PACK PO</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>loratadine CHEW PO</i>	1		<i>cholestyramine light POWD PO</i>	1	QL(24 GM daily)
<i>loratadine SOLN PO</i>	1		<i>cholestyramine PACK PO</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>loratadine TABS PO</i>	1		<i>cholestyramine POWD PO</i>	1	QL(25.2 GM daily)
<i>loratadine TBDP PO</i>	1		<i>colesevelam hcl PACK</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>QUZYTIR SOLN IV</i>	3	PA	<i>colesevelam hcl TABS PO</i>	1	QL(7 EA daily)
<i>ZYRTEC ALLERGY TABS PO (cetirizine hcl)</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>colestipol hcl GRAN PO</i>	1	QL(6 GM daily)
Antihistamines - Phenothiazines			<i>colestipol hcl PACK PO</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>promethazine hcl SOLN PO 6.25 MG/5ML</i>	1		<i>colestipol hcl TABS PO</i>	1	QL(16 EA daily)
<i>promethazine hcl SUPP PR 12.5 MG, 25 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	Fibric Acid Derivatives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>choline fenofibrate PO</i>	1	+; QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized PO 43 MG, 130 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized PO 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1	+; QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate TABS PO 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1	+; QL(1 EA daily)
<i>gemfibrozil TABS PO</i>	1	+; QL(2 EA daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS PO</i>	1	+; QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS PO 40 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS PO 20 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>lovastatin TABS PO 10 MG, 20 MG</i>	1	+; QL(1 EA daily); PV
<i>lovastatin TABS PO 40 MG</i>	1	+; QL(2 EA daily); PV
<i>pravastatin sodium PO</i>	1	+; QL(1 EA daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS PO</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>simvastatin TABS PO</i>	1	+; QL(1 EA daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe PO</i>	1	+; QL(1 EA daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR PO</i>	1	QL(2 EA daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	1	QL(0.25 ML daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	1	QL(0.0714 ML daily); PA
REPATHA SOSY	1	QL(0.0714 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl PO</i>	1	+
<i>captopril PO 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>captopril PO 12.5 MG</i>	1	
<i>enalapril maleate TABS PO</i>	1	+
<i>fosinopril sodium PO</i>	1	+
<i>lisinopril TABS PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1	+
<i>moexipril hcl PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine PO 4 MG</i>	1	
<i>perindopril erbumine PO 2 MG, 8 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>quinapril hcl PO 20 MG, 40 MG</i>	1	
<i>quinapril hcl PO 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>ramipril CAPS PO</i>	1	+
<i>trandolapril PO 1 MG, 2 MG</i>	1	+; QL(1 EA daily)
<i>trandolapril PO 4 MG</i>	1	+; QL(2 EA daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl PO</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil PO</i>	1	QL(1 EA daily)
EDARBI PO	3	QL(1 EA daily); PA
<i>irbesartan PO</i>	1	+; QL(1 EA daily)
<i>losartan potassium PO</i>	1	+; QL(1 EA daily)
<i>olmesartan medoxomil PO</i>	1	+; QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>telmisartan PO</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide PO 25 MG-10 MG</i>	1	
<i>valsartan TABS PO</i>	1	+; QL(1 EA daily)	<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide PO</i>	1	QL(1 EA daily)
Antiadrenergic Antihypertensives			<i>irbesartan-hydrochlorothiazide PO</i>	1	+
<i>clonidine hcl TABS PO</i>	1	+; QL(8 EA daily)	<i>lisinopril & hydrochlorothiazide PO</i>	1	+
<i>clonidine PTWK</i>	3	QL(0.15 EA daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-50 MG</i>	1	+; QL(2 EA daily)
<i>doxazosin mesylate PO</i>	1		<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1	+; QL(1 EA daily)
<i>guanfacine hcl PO</i>	1		<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG-50 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>methyldopa TABS PO</i>	1	QL(6 EA daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1	
<i>prazosin hcl CAPS PO</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide PO</i>	1	PA
<i>terazosin hcl PO</i>	1		<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide PO</i>	1	
Antihypertensive Combinations			<i>quinapril-hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-20 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl PO</i>	1		<i>quinapril-hydrochlorothiazide PO 25 MG-20 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil PO</i>	1	PA	<i>quinapril-hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-10 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>amlodipine besylate-valsartan PO</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>telmisartan-amlodipine PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide PO</i>	3		<i>telmisartan-hydrochlorothiazide PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>atenolol & chlorthalidone PO</i>	1		<i>trandolapril-verapamil hcl PO 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>benazepril & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1	QL(1 EA daily)			
<i>benazepril & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1				
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide PO</i>	1	QL(2 EA daily)			
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide PO</i>	1				
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-5 MG</i>	1	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trandolapril-verapamil hcl PO 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide PO</i>	1	QL(1 EA daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL PO	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate PO</i>	1	QL(1 EA daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone PO</i>	1	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1	
<i>hydralazine hcl TABS PO</i>	1	+
<i>minoxidil PO 2.5 MG, 10 MG</i>	1	+
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 EA daily); PA
<i>metronidazole TABS PO</i>	1	
<i>trimethoprim TABS PO</i>	1	
XIFAXAN PO	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP PO</i>	1	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS PO</i>	1	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR PO	2	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>atovaquone PO</i>	1	
<i>nitazoxanide TABS PO</i>	1	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1	
<i>meropenem</i>	1	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS PO</i>	1	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1	QL(300 ML per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1	
Leprostatics		
<i>dapsone PO</i>	1	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl PO</i>	1	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride PO</i>	1	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1	
<i>lincomycin hcl</i>	1	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1	
CAYSTON	4	QL(3 ML daily); PA
Oxazolidinones		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>linezolid SUSR</i>	1	
<i>linezolid TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1	
<i>methenamine hippurate PO</i>	1	
<i>nitrofurantoin PO</i>	1	
<i>nitrofurantoin macrocrystal PO 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>nitrofurantoin monohyd macro PO</i>	1	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl PO</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS PO 250 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>chloroquine phosphate TABS PO 500 MG</i>	1	
<i>hydroxychloroquine sulfate PO 200 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate PO 400 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate PO 100 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)
<i>mefloquine hcl PO</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS PO</i>	3	
<i>pyrimethamine PO</i>	1	QL(3 EA daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS PO 324 MG</i>	1	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1	
<i>pyridostigmine bromide TABS PO 60 MG</i>	1	
<i>pyridostigmine bromide TBCR PO</i>	1	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine PO</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>ethambutol hcl TABS PO</i>	1	
<i>isoniazid SOLN</i>	1	
<i>isoniazid SYRP PO</i>	1	
<i>isoniazid TABS PO</i>	1	
PRIFTIN PO	3	
<i>pyrazinamide PO</i>	1	
<i>rifabutin PO</i>	1	PA
<i>rifampin CAPS PO</i>	1	
<i>rifampin SOLR</i>	1	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR PO	3	QL(4 EA daily)
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE PO 10 MG	4	PA
GLEOSTINE PO 40 MG, 100 MG	4	PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	PA
LEUKERAN PO	4	PA
<i>melphalan PO</i>	1	
<i>melphalan hcl IV</i>	1	
MYLERAN TABS PO	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	PA
TEMODAR SOLR	4	PA
<i>temozolomide CAPS PO</i>	4	PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	PA
ZANOSAR	4	PA
Antimetabolites		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	PA
<i>capecitabine PO</i>	4	PA
<i>clofarabine</i>	4	PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM</i>	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 200 MG</i>	4	PA
<i>mercaptopurine TABS PO</i>	1	
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1	
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1	
<i>methotrexate sodium TABS PO 2.5 MG</i>	1	
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	PA
TABLOID PO	4	PA
TREXALL TABS PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
INLYTA	4	QL(2 EA daily); PA	GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	VECTIBIX 100 MG/5ML	4	PA
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	VIZIMPRO	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	DAURISMO	4	PA
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	ODOMZO PO	4	QL(1 EA daily); PA
MVASI	4	PA	Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	PA	<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
ZIRABEV	4	PA	<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 EA daily); PA
Antineoplastic - Antibodies			<i>anastrozole PO</i>	1	QL(1 EA daily)
ADCETRIS	4	PA	<i>bicalutamide PO</i>	1	QL(1 EA daily); SP
ARZERRA	4	PA	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	PA
RUXIENCE	4	PA	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 EA daily); PA
TRUXIMA	4	PA	EMCYT PO	4	PA
YERVOY	4	PA	ERLEADA 60 MG	4	QL(4 EA daily); PA
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents			ERLEADA 240 MG	4	QL(1 EA daily); PA
KANJINTI	4	PA	<i>exemestane PO</i>	4	QL(1 EA daily)
OGIVRI	4	PA	FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); PA
PERJETA	4	PA	FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); PA
TRAZIMERA	4	PA	<i>flutamide PO</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
TUKYSA	4	PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			<i>letrozole PO</i>	1	
ERBITUX	4	PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); PA			
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 EA daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 EA daily); PA	XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) PO 50 MG	4	PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	PA	XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY) PO 40 MG	4	PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 EA daily); PA	XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) PO 40 MG	4	PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 EA daily); PA	XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) PO 60 MG	4	PA
LYSODREN PO	4	PA	XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY) PO	4	PA
<i>megestrol acetate SUSP PO</i>	1		XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) PO 40 MG	4	PA
<i>megestrol acetate TABS PO</i>	1		XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) PO	4	PA
<i>nilutamide PO</i>	1	QL(2 EA daily)	Antineoplastic Antibiotics		
NUBEQA	4	QL(4 EA daily); PA	<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
ORGOVYX	4	PA	<i>dactinomycin</i>	4	PA
<i>tamoxifen citrate TABS PO</i>	0		<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	4	PA
<i>tamoxifen citrate TABS PO</i>	0		<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
<i>toremifene citrate PO</i>	1		<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	PA
TRELSTAR MIXJECT	4	PA	<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); PA	<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA	<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA	<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA
YONSA	4	QL(4 EA daily); PA	<i>valrubicin</i>	4	PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 EA daily); PA	Antineoplastic Combinations		
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 EA daily); PA	KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
Antineoplastic - Immunomodulators			KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
POMALYST	4	QL(1 EA daily); PA	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	4	QL(3.25 EA daily); PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors			Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
AYVAKIT	4	QL(1 EA daily); PA			
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ALECENSA	4	QL(4 EA daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ML daily); PA
ALUNBRIG TABS PO	4	QL(1 EA daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 EA daily); PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 EA daily); PA	INREBIC	4	PA
BALVERSA	4	PA	JAKAFI 10 MG, 20 MG	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	PA	JAKAFI 5 MG, 15 MG, 25 MG	4	QL(2 EA daily); PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KISQALI (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
BOSULIF TABS	4	QL(1 EA daily); PA	KISQALI (400 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
BRAFTOVI PO 75 MG	4	QL(6 EA daily); PA	KISQALI (600 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
BRUKINSA	4	PA	KOSELUGO	4	PA
CABOMETYX TABS PO	4	QL(1 EA daily); PA	KYPROLIS	4	PA
CALQUENCE	4	QL(2 EA daily); PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 EA daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 EA daily); PA	LORBRENA	4	QL(1 EA daily); PA
CAPRELSA PO	4	QL(1 EA daily); PA	LYNPARZA TABS PO	4	QL(4 EA daily); PA
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); PA	MEKINIST TABS PO 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); PA	MEKINIST TABS PO 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA
COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); PA	MEKTOVI	4	QL(6 EA daily); PA
COPIKTRA PO	4	PA	NINLARO	4	QL(0.143 EA daily); PA
<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); PA	<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); PA
<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 EA daily); PA	PEMAZYRE	4	QL(1 EA daily); PA
IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
ICLUSIG PO	4	QL(1 EA daily); PA	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
<i>imatinib mesylate PO</i>	4	QL(2 EA daily); PA	QINLOCK	4	PA
IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 EA daily); PA	RETEVMO CAPS	4	PA
IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 EA daily); PA	<i>romidepsin SOLR</i>	4	PA
			ROZLYTREK CAPS	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA	ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); PA
SCEMBLIX 20 MG, 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA	ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA
SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 EA daily); PA	Antineoplastic Enzymes		
<i>sorafenib tosylate PO</i>	4	QL(4 EA daily); PA	ONCASPAR	4	PA
SPRYCEL (<i>dasatinib</i>)	4	QL(1 EA daily); PA	Antineoplastics Misc.		
STIVARGA	4	QL(4 EA daily); PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	PA
<i>sunitinib malate PO 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>sunitinib malate PO 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	<i>bexarotene PO</i>	4	PA
TABRECTA	4	PA	<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
TAFINLAR CAPS PO	4	QL(4 EA daily); PA	<i>hydroxyurea PO</i>	1	
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	MATULANE PO	4	PA
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	PHOTOFRIN	4	PA
TASIGNA	4	QL(4 EA daily); PA	PROLEUKIN	4	PA
TAZVERIK	4	PA	SYNRIBO	4	PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); PA	<i>tretinoin (chemotherapy) PO</i>	1	
TIBSOVO	4	PA	UVADEX	4	PA
TURALIO PO	4	PA	Chemotherapy Adjuncts		
TURALIO PO	4	AC; PA	KEPIVANCE 6.25 MG	4	PA
VERZENIO	4	QL(2 EA daily); PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
VITRAKVI CAPS PO	4	PA	<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1	
VITRAKVI SOLN	4	PA	<i>leucovorin calcium TABS PO</i>	1	
XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); PA	VORAXAZE	4	PA
XOSPATA	4	PA	Mitotic Inhibitors		
ZEJULA CAPS PO	4	QL(3 EA daily); PA	<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	PA
ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 EA daily); PA	<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 EA daily); PA	<i>eribulin mesylate</i>	4	PA
ZELBORAF PO	4	QL(8 EA daily); PA	ETOPOPHOS	4	PA
			<i>etoposide CAPS PO</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA	<i>amantadine hcl TABS PO</i>	1	
HALAVEN (<i>eribulin mesylate</i>)	4	PA	<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	PA	<i>bromocriptine mesylate CAPS PO</i>	1	
JEVTANA	4	PA	<i>bromocriptine mesylate TABS PO 2.5 MG</i>	1	
<i>paclitaxel 150 MG/25ML</i>	4	PA	<i>carbidopa-levodopa-entacapone PO</i>	1	
<i>paclitaxel 100 MG/16.7ML</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TABS PO</i>	1	
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	PA	<i>carbidopa-levodopa TBCR PO</i>	1	
<i>vincristine sulfate</i>	4	PA	<i>carbidopa-levodopa TBDP PO</i>	1	
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	PA	NEUPRO	2	
Topoisomerase I Inhibitors			<i>pramipexole dihydrochloride TABS PO 0.125 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
HYCAMTIN CAPS PO	4	PA	<i>pramipexole dihydrochloride TABS PO 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1	
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	PA	<i>ropinirole hydrochloride TABS PO</i>	1	
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	PA	<i>ropinirole hydrochloride TB24 PO 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease			<i>ropinirole hydrochloride TB24 PO 8 MG, 12 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
Antiparkinson Adjunctive Therapy			Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>carbidopa PO</i>	1		<i>rasagiline mesylate PO</i>	1	QL(1 EA daily); PA
Antiparkinson Anticholinergics			<i>selegiline hcl CAPS PO</i>	1	
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1		<i>selegiline hcl TABS PO</i>	1	
<i>benztropine mesylate TABS PO</i>	1		ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1		Antimanic Agents		
<i>trihexyphenidyl hcl TABS PO</i>	1		<i>lithium PO</i>	1	
Antiparkinson COMT Inhibitors			<i>lithium carbonate CAPS PO</i>	1	
<i>entacapone PO</i>	1	QL(8 EA daily)			
<i>tolcapone PO</i>	1				
Antiparkinson Dopaminergics					
<i>amantadine hcl CAPS PO</i>	1				
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lithium carbonate TABS PO</i>	1		<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1	QL(4 EA daily); PA
<i>lithium carbonate TBCR PO</i>	1		<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
Antipsychotics - Misc.			<i>clozapine TABS PO</i>	1	
EQUETRO PO 200 MG	3	QL(8 EA daily); PA	<i>clozapine TBDP PO 25 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
EQUETRO PO 300 MG	3	QL(4 EA daily); PA	<i>clozapine TBDP PO 150 MG</i>	1	
EQUETRO PO 100 MG	3	QL(2 EA daily); PA	<i>clozapine TBDP PO 200 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>lurasidone hcl PO 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>clozapine TBDP PO 100 MG</i>	1	QL(9 EA daily)
<i>lurasidone hcl PO 80 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>clozapine TBDP PO 12.5 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>ziprasidone hcl PO</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>loxapine succinate PO</i>	1	
Benzisoxazoles			<i>olanzapine SOLR</i>	1	QL(0.215 EA daily)
FANAPT PO	2	QL(2 EA daily); PA	<i>olanzapine TABS PO 2.5 MG, 5 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
FANAPT TITRATION PACK PO	2	PA	<i>olanzapine TABS PO 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>paliperidone PO 6 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>olanzapine TBDP PO 20 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>paliperidone PO 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>olanzapine TBDP PO 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA	<i>quetiapine fumarate TABS PO 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1	QL(4 EA daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>risperidone microspheres</i>	1	QL(0.072 EA daily); PA	<i>quetiapine fumarate TABS PO 300 MG, 400 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>risperidone SOLN PO</i>	1	QL(8 ML daily)	<i>quetiapine fumarate TB24 PO 300 MG, 400 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>risperidone TABS PO</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>quetiapine fumarate TB24 PO 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>risperidone TBDP PO</i>	1	QL(4 EA daily)	Phenothiazines		
Butyrophenones			<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>haloperidol decanoate</i>	1	QL(0.036 ML daily)	<i>chlorpromazine hcl TABS PO</i>	1	
<i>haloperidol lactate CONC PO</i>	1				
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1				
<i>haloperidol TABS PO</i>	1				
Dibenzapines					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluphenazine hcl CONC PO</i>	1		<i>darunavir TABS 800 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>fluphenazine hcl ELIX PO</i>	1		DELSTRIGO	3	QL(1 EA daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1		DOVATO	3	QL(1 EA daily)
<i>fluphenazine hcl TABS PO</i>	1		EDURANT	3	QL(1 EA daily)
<i>perphenazine TABS PO</i>	1		<i>efavirenz CAPS PO 50 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>prochlorperazine PR</i>	1		<i>efavirenz CAPS PO 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>prochlorperazine maleate TABS PO</i>	1		<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>thioridazine hcl PO</i>	1		<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>trifluoperazine hcl TABS PO</i>	1		<i>efavirenz TABS PO</i>	1	QL(1 EA daily)
Quinolinone Derivatives			<i>emtricitabine CAPS PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>aripiprazole TABS PO</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)
REXULTI	3	PA	EMTRIVA CAPS PO (<i>emtricitabine</i>)	2	QL(1 EA daily)
Thioxanthenes			EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ML daily)
<i>thiothixene PO</i>	1		<i>etravirine PO 100 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections			<i>etravirine PO 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
Antiretrovirals			EVOTAZ	3	QL(1 EA daily)
<i>abacavir sulfate-lamivudine PO</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>fosamprenavir calcium TABS PO</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>abacavir sulfate SOLN PO</i>	1	QL(32 ML daily)	FUZEON SOLR	4	PA
<i>abacavir sulfate TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily)	GENVOYA	3	QL(1 EA daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 EA daily)	INTELENCE PO 25 MG	3	QL(8 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS PO 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	ISENTRESS HD TABS PO	3	QL(2 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS PO 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	ISENTRESS CHEW	3	QL(6 EA daily)
BIKTARVY	3	QL(1 EA daily)	ISENTRESS TABS PO	3	QL(2 EA daily)
CIMDUO	3	QL(1 EA daily); PA	JULUCA	3	QL(1 EA daily)
COMPLERA	3	QL(1 EA daily)			
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	1	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lamivudine SOLN PO</i>	1	QL(30 ML daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS PO</i>	1	
<i>lamivudine TABS PO 150 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	TIVICAY TABS	3	QL(2 EA daily)
<i>lamivudine TABS PO 300 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	TRIUMEQ TABS	3	QL(1 EA daily)
<i>lamivudine-zidovudine PO</i>	1	QL(2 EA daily)	TRIZIVIR PO	3	QL(2 EA daily)
LEXIVA SUSP PO	3	QL(56 ML daily)	TYBOST	3	QL(1 EA daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN PO</i>	1	QL(12.5 ML daily)	VIRACEPT TABS PO 625 MG	3	QL(4 EA daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS PO</i>	1	QL(4 EA daily)	VIRACEPT TABS PO 250 MG	3	QL(10 EA daily)
<i>maraviroc TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily)	VIREAD POWD	3	QL(7.5 GM daily)
<i>nevirapine SUSP PO</i>	1	QL(40 ML daily)	VIREAD TABS PO 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>nevirapine TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>zidovudine CAPS PO</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>nevirapine TB24 PO 400 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>zidovudine SYRP PO</i>	1	QL(60 ML daily)
<i>nevirapine TB24 PO 100 MG</i>	1	QL(3 EA daily)	<i>zidovudine TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily)
NORVIR CAPS PO	2	QL(12 EA daily)	CMV Agents		
NORVIR PACK	3	QL(12 EA daily)	<i>cidofovir</i>	3	
NORVIR SOLN	3	QL(15 ML daily)	<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1	
ODEFSEY	3	QL(1 EA daily)	<i>valganciclovir hcl TABS PO</i>	1	QL(4 EA daily); PA
PIFELTRO	3	QL(1 EA daily)	Hepatitis Agents		
PREZCOBIX	3	QL(1 EA daily)	<i>adefovir dipivoxil PO</i>	4	QL(1 EA daily); PA
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ML daily)	<i>entecavir TABS PO</i>	4	QL(1 EA daily); PA
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)	EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ML daily); PA
RETROVIR SOLN	3		<i>lamivudine (hcv) TABS PO</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>ritonavir TABS PO</i>	1	QL(12 EA daily)	PEGASYS SOLN	1	QL(0.0714 ML daily); PA
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)	PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
SELZENTRY TABS PO 25 MG, 75 MG	3	QL(2 EA daily)	<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS PO</i>	1	QL(7 EA daily)
<i>stavudine CAPS PO</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>ribavirin (hepatitis c) TABS PO 200 MG</i>	1	QL(7 EA daily)
STRIBILD	3	QL(1 EA daily)	SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	4	QL(1 EA daily); MO; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SOVALDI TABS	4	QL(1 EA daily); PA
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS PO</i>	1	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP PO</i>	1	QL(13.34 ML daily)
<i>acyclovir TABS PO</i>	1	QL(5 EA daily)
<i>famciclovir PO 500 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>famciclovir PO 125 MG, 250 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>valacyclovir hcl PO 500 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>valacyclovir hcl PO 1 GM</i>	1	QL(4 EA daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS PO</i>	1	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR PO</i>	1	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol PO</i>	1	+

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carvedilol phosphate PO</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1	
<i>labetalol hcl TABS PO 100 MG, 200 MG</i>	1	+
<i>labetalol hcl TABS PO 300 MG</i>	1	+; QL(8 EA daily)
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS PO</i>	1	
<i>atenolol TABS PO</i>	1	+
<i>betaxolol hcl PO</i>	1	
<i>bisoprolol fumarate PO</i>	1	+
<i>metoprolol succinate TB24 PO 200 MG</i>	1	+; QL(2 EA daily)
<i>metoprolol succinate TB24 PO 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	+
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1	
<i>metoprolol tartrate TABS PO 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	+
<i>nebivolol hcl PO 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
<i>nebivolol hcl PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
Beta Blockers Non-Selective		
HEMANGEOL SOLN PO	4	QL(75 ML daily); PA
<i>nadolol TABS PO 20 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>nadolol TABS PO 40 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>nadolol TABS PO 80 MG</i>	1	
<i>pindolol TABS PO</i>	1	
<i>propranolol hcl CP24 PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1	
<i>propranolol hcl TABS PO</i>	1	
<i>sotalol hcl (afib/af) PO</i>	1	
<i>sotalol hcl TABS PO 240 MG</i>	1	
<i>sotalol hcl TABS PO 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>timolol maleate TABS PO</i>	1	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS PO</i>	1	+
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 PO 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 PO 180 MG, 240 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads PO 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1	+
<i>diltiazem hcl extended release beads PO 420 MG</i>	1	
<i>diltiazem hcl CP12 PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl CP24 PO</i>	1	+
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1	
DILTIAZEM HCL SOLR	1	
<i>diltiazem hcl TABS PO</i>	1	+
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1	
<i>felodipine PO</i>	1	+
<i>isradipine CAPS PO</i>	1	
<i>nicardipine hcl CAPS PO</i>	1	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1	
<i>nifedipine CAPS PO 10 MG</i>	1	
<i>nifedipine CAPS PO 20 MG</i>	1	QL(9 EA daily)
<i>nifedipine TB24 PO</i>	1	
<i>nifedipine TB24 PO 60 MG</i>	1	+; QL(2 EA daily)
<i>nifedipine TB24 PO 30 MG</i>	1	+

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nifedipine TB24 PO 90 MG</i>	1	+; QL(1 EA daily)
<i>nimodipine CAPS PO</i>	1	
<i>nisoldipine PO</i>	1	
<i>verapamil hcl CP24 PO 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1	
<i>verapamil hcl CP24 PO 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1	
<i>verapamil hcl TABS PO</i>	1	+
<i>verapamil hcl TBCR PO</i>	1	+
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1	
<i>digoxin TABS PO 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1	
LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2	
LANOXIN TABS PO 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl PO</i>	1	
Impotence Agents		
<i>sildenafil citrate PO</i>	1	QL(0.1334 EA daily); PA
<i>tadalafil PO 5 MG</i>	1	BPH Only; QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan PO</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>bosentan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); PA
OPSUMIT	4	QL(1 EA daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 EA daily); PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS PO</i>	4	QL(3 EA daily); PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS PO</i>	4	QL(2 EA daily); PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS PO	4	QL(3 EA daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
<i>ivabradine hcl TABS PO</i>	3	QL(2 EA daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	1	QL(1 EA daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 EA daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS PO</i>	1	
<i>cefadroxil SUSR PO</i>	1	
<i>cefadroxil TABS PO</i>	1	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1	
<i>cephalexin CAPS PO</i>	1	
<i>cephalexin SUSR PO</i>	1	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS PO</i>	1	
<i>cefaclor SUSR PO 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1	
<i>cefoxitin sodium IV</i>	1	
<i>cefprozil SUSR PO</i>	1	
<i>cefprozil TABS PO</i>	1	
<i>cefuroxime axetil TABS PO</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1		<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) PO</i>	0	
Cephalosporins - 3rd Generation			<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) PO 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>cefdinir CAPS PO</i>	1		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) PO</i>	0	
<i>cefdinir SUSR PO</i>	1		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron PO</i>	0	
<i>cefixime CAPS PO</i>	1		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>cefixime SUSR PO</i>	1	PA	NATAZIA	0	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR PO</i>	1		NEXTSTELLIS	0	
<i>cefpodoxime proxetil TABS PO</i>	1		<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>ceftazidime IV 2 GM, 6 GM</i>	1		<i>norethin acet & estrad-fe CHEW PO</i>	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 250 MG, 500 MG</i>	1		<i>norethin acet & estrad-fe TABS PO 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethindrone & eth estradiol PO</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1		<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe PO</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethindrone acet & eth estra TABS PO</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe PO</i>	0	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy					
Combination Contraceptives - Oral					
<i>desogestrel & ethinyl estradiol PO</i>	0		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic) PO</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) PO</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol PO</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) PO</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic) PO</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol PO</i>	0		<i>norgestrel & ethinyl estradiol PO 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium PO</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad PO</i>	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
FEMLYV TBDP	0		<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS PO</i>	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail)	<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1	
Combination Contraceptives - Vaginal			<i>dexamethasone ELIX PO</i>	1	
ANNOVERA	0		<i>dexamethasone SOLN PO</i>	1	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)	<i>dexamethasone TABS PO</i>	1	
Emergency Contraceptives			EMFLAZA SUSP PO (deflazacort)	4	PA
ELLA PO	0		<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levonorgestrel (emergency oc) PO 1.5 MG</i>	0		<i>hydrocortisone TABS PO</i>	1	
Progestin Contraceptives - Injectable			MEDROL TABS PO	3	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	1 max fill(s) per 90 day(s) retail	<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ML per 90 day(s) retail)	<i>methylprednisolone TABS PO</i>	1	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>methylprednisolone TBPK PO</i>	1	
<i>norethindrone (contraceptive) PO</i>	0		<i>prednisolone sodium phosphate SOLN PO 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1	
OPILL PO	0		<i>prednisolone sodium phosphate TBDP PO</i>	3	
SLYND PO	0	QL(1 EA daily)	<i>prednisolone SOLN</i>	1	
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions			<i>prednisolone TABS PO</i>	1	
Glucocorticosteroids			<i>prednisone SOLN PO</i>	1	
<i>budesonide CPEP PO</i>	1	QL(3 EA daily)	<i>prednisone TABS PO</i>	1	
<i>deflazacort SUSP PO</i>	4	PA	<i>prednisone TBPK PO</i>	1	
<i>deflazacort TABS PO</i>	4	PA	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
DEPO-MEDROL SUSP	3		SOLU-CORTEF 250 MG	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1		SOLU-CORTEF (hydrocortisone sod succinate)	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1		SOLU-MEDROL 2 GM	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide</i> SUSP 40 MG/ML	1	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate</i> TABS PO	1	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate</i> PO 100 MG	1	QL(6 EA daily)
<i>benzonatate</i> PO 200 MG	1	QL(3 EA daily)
<i>benzonatate</i> PO 150 MG	1	QL(4 EA daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex</i> SUER PO	1	
TUZISTRA XR PO	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1	
NEBUSAL NEBU	1	
<i>sodium chloride (inhalant)</i> NEBU 7 %	1	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine</i> SOLN	1	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide</i> GEL 2.5 %-0.1 %	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene</i> CREA	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene</i> GEL 0.1 %	1	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>adapalene</i> GEL 0.3 %	1	AL(At least 12 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AZELEX	3	QL(50 GM per 30 day(s) retail; 50 GM per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin</i> GEL	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide</i> FOAM 5.3 %, 9.8 %	1	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide</i> GEL 10 %	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide</i> GEL 5 %	1	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide</i> LIQD 4 %, 10 %	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> FOAM	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> GEL	1	QL(8 GM daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> LOTN	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> SOLN	1	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> SWAB	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide</i> GEL 5 %-1 %	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1	QL(1 GM daily)
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1	
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	<i>mupirocin OINT</i>	1	QL(6 GM daily)
<i>isotretinoin PO 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA	NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)	Antifungals - Topical		
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	<i>butenafine hcl</i>	1	QL(6 GM daily); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1	
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox GEL</i>	1	QL(3.35 GM daily)
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox SHAM</i>	1	QL(10 ML daily)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>ciclopirox SOLN</i>	1	QL(0.22 ML daily)
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1	QL(10 ML daily); RX/OTC
Agents for External Genital and Perianal Warts			<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1	QL(8 GM daily)
VEREGEN	3	QL(1 GM daily)	<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1	
Antibiotics - Topical			<i>econazole nitrate CREA</i>	1	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)	ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
			<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1	QL(10 GM daily)
			<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1	QL(20 ML daily)
			<i>luliconazole</i>	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1	QL(3.34 GM daily); RX/OTC
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1	QL(10 GM daily)	<i>bexarotene (topical)</i>	4	PA
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1	QL(6 GM daily)	<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1	QL(3.34 GM daily); PA
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1	QL(10 GM daily)	<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1	QL(4 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1	QL(10 GM daily)	<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1	QL(2 ML daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1	QL(4 GM daily)	PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	Antipruritics - Topical		
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1		Antipsoriatics		
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>acitretin PO 25 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>tavaborole</i>	1	PA	<i>acitretin PO 10 MG, 17.5 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
Anti-inflammatory Agents - Topical			<i>calcipotriene CREA</i>	1	QL(4 GM daily); PA
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1	QL(2 EA daily); PA	<i>calcipotriene OINT</i>	1	QL(4 GM daily); PA
			<i>calcipotriene SOLN</i>	1	QL(4 ML daily); PA
			<i>calcitriol (topical)</i>	1	QL(3.34 GM daily)
			COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
			COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA	<i>acyclovir topical OINT</i>	1	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA	<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA	Burn Products		
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA	<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
<i>methoxsalen rapid PO</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>silver sulfadiazine</i>	1	QL(20 GM daily)
SKYRIZI (150 MG DOSE) PSKT	4	QL(0.025 EA daily); PA	SULFAMYLON CREA	3	
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA	Corticosteroids - Topical		
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA	<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1	QL(2 GM daily)
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1	QL(3 GM daily)
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	<i>amcinonide CREA</i>	1	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); SP; PA	<i>amcinonide LOTN</i>	3	
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1	QL(1 GM daily)	<i>amcinonide OINT</i>	3	
TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1	QL(3 GM daily)
TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1	
TREMFYA SOLN	4	QL(0.72 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1	QL(3 GM daily)
TREMFYA SOSY 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1	QL(3.5 GM daily)
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1	QL(5 ML daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1	QL(3.5 GM daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1		Antivirals - Topical		
Antivirals - Topical			<i>acyclovir topical CREA</i>	1	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1	QL(2.5 GM daily)	<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1	PA
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1	QL(1.67 GM daily)	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1	
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1	QL(5 ML daily)	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1	QL(3 GM daily)	<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1	QL(8 ML daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1	PA	<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1	QL(4 GM daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1	PA	<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1	QL(4 ML daily)
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1	QL(1 GM daily); PA	<i>fluocinonide emulsified base</i>	1	QL(2 GM daily)
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(3 GM daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1	QL(4 GM daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1	QL(3 GM daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1	QL(2 GM daily)
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1	QL(2 GM daily); PA	<i>fluocinonide GEL</i>	1	
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1	QL(1 GM daily); PA	<i>fluocinonide OINT</i>	1	QL(2 GM daily)
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1	QL(3.34 ML daily); PA	<i>fluocinonide SOLN</i>	1	QL(2 ML daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 GM daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail	<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ML daily)
<i>desonide CREA</i>	1	QL(4 GM daily)	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(4 GM daily)
<i>desonide LOTN</i>	1	QL(4 ML daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1	QL(6 ML daily)
<i>desonide OINT</i>	1	QL(3 GM daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1	QL(4 GM daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1	QL(4 GM daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1	QL(3 GM daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1	QL(3.5 GM daily)
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1	QL(4 GM daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1	QL(3.5 GM daily)
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1	PA	HALOG OINT	3	PA
			<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
			<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1	
			<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 GM daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocortisone butyrate</i> CREA	1	QL(3 GM daily)	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
<i>hydrocortisone butyrate</i> OINT	1	QL(3 GM daily)	Emollients		
<i>hydrocortisone butyrate</i> SOLN	1	QL(5 ML daily)	<i>lactic acid (ammonium lactate)</i> CREA	1	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone valerate</i> CREA	1		<i>lactic acid (ammonium lactate)</i> LOTN 12 %	1	RX/OTC
<i>hydrocortisone valerate</i> OINT	1		Enzymes - Topical		
<i>mometasone furoate</i> CREA	1	QL(3 GM daily)	SANTYL OINT	3	PA
<i>mometasone furoate</i> OINT	1	QL(4 GM daily)	Immunomodulating Agents - Topical		
<i>mometasone furoate</i> SOLN	1	QL(5 ML daily)	<i>imiquimod</i> 5 %	1	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
<i>prednicarbate</i> OINT	1		Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> CREA 0.025 %	1	QL(15.15 GM daily)	<i>pimecrolimus</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> CREA 0.5 %	1	QL(5 GM daily)	<i>tacrolimus (topical)</i> OINT	1	AL(At least 2 yrs old); PA
<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> CREA 0.1 %	1	QL(3.34 GM daily)	Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> LOTN 0.1 %	1	QL(6 ML daily)	<i>podofilox</i> SOLN	1	
<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> LOTN 0.025 %	1		Local Anesthetics - Topical		
<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> OINT 0.5 %	1	QL(6 GM daily)	<i>lidocaine hcl</i> GEL 2 %	1	QL(4 ML daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> OINT 0.025 %, 0.1 %	1	QL(15.15 GM daily)	<i>lidocaine hcl</i> PRSY	1	QL(4 ML daily)
Eczema Agents			<i>lidocaine hcl</i> SOLN	1	QL(10 ML daily)
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA	<i>lidocaine-prilocaine</i> CREA	1	QL(1 GM daily)
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA	<i>lidocaine</i> PTCH 5 %	1	PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA	SYNERA PTCH	3	QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	4	QL(0.048 ML daily); PA	Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
			EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA
			Rosacea Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>azelaic acid GEL</i>	1	QL(1.67 GM daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1	QL(5 GM daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1	PA
<i>lindane SHAM</i>	1	
<i>malathion</i>	1	
<i>permethrin CREA</i>	1	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1	
<i>spinosad</i>	1	PA
Wound Care Products		
REGRANEX	3	QL(0.5 GM daily)
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP K STRP	1	#
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1	#
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1	#
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1	#

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KETONE TEST STRP	1	#
KETOSTIX STRP	1	#
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1	#
PRECISION XTRA KETONE	1	#
RELION KETONE TEST STRP	1	#
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1	#; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		
ZENPEP CPEP PO 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
ZENPEP CPEP PO 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1	
<i>acetazolamide CP12 PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>acetazolamide TABS PO 125 MG</i>	1	QL(8 EA daily)
<i>acetazolamide TABS PO 250 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>dichlorphenamide PO</i>	4	QL(4 EA daily); PA
<i>methazolamide TABS PO</i>	1	QL(6 EA daily)
Diuretic Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amiloride & hydrochlorothiazide PO</i>	1	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide PO</i>	1	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS PO 25 MG-37.5 MG</i>	1	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS PO</i>	1	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1	
<i>bumetanide TABS PO</i>	1	QL(5 EA daily)
<i>ethacrynic acid PO</i>	1	QL(16 EA daily)
<i>furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML</i>	1	
<i>furosemide TABS PO</i>	1	
<i>torseamide TABS PO</i>	1	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS PO</i>	1	
<i>spironolactone TABS PO</i>	1	
<i>triamterene CAPS PO</i>	1	QL(3 EA daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone PO 25 MG, 50 MG</i>	1	
DIURIL SUSP PO	2	QL(20 ML daily)
<i>hydrochlorothiazide CAPS PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS PO 1.25 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>indapamide TABS PO 2.5 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>metolazone PO</i>	1	QL(2 EA daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bone Disease and Regulate		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS PO 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>alendronate sodium TABS PO 35 MG, 70 MG</i>	1	QL(0.143 EA daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1	QL(0.14 ML daily)
FOSAMAX PLUS D PO	3	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	PA
<i>ibandronate sodium TABS PO</i>	1	QL(0.036 EA daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
<i>risedronate sodium TABS PO 150 MG</i>	1	QL(0.036 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS PO 35 MG</i>	1	QL(0.143 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS PO 5 MG, 30 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC PO</i>	1	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	1	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	1	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	1	PA
ZORBTIVE SC	4	PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA PO	3	PA
<i>raloxifene hcl PO</i>	0	QL(1 EA daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	1	PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	PA
SYNAREL	4	PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	PA
<i>betaine PO</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>calcitriol CAPS PO</i>	1	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1	
<i>cinacalcet hcl PO</i>	4	QL(4 EA daily); PA
<i>doxercalciferol CAPS PO</i>	1	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1	
ELAPRASE	4	PA
LUMIZYME	4	PA
MYALEPT	4	PA
<i>nitisinone CAPS PO</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS PO</i>	1	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD PO</i>	1	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS PO</i>	1	PA
STRENSIQ	4	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	PA
<i>desmopressin acetate TABS PO 0.2 MG</i>	1	QL(8 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS PO 0.1 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
Progesterone Receptor Antagonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mifepristone</i>	1	QL(1 EA per fill retail; 1 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline PO</i>	1	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	PA
<i>octreotide acetate SOSY</i>	4	
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
JYNARQUE TBPK	4	SP; PA
<i>tolvaptan TABS</i>	1	QL(2 EA daily); PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
BIJUVA	3	PA
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol PO</i>	1	
PREMPHASE PO	2	
PREMPRO PO	2	QL(1 EA daily)
Estrogens		
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1	
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol GEL</i>	1	
<i>estradiol PTTW</i>	1	QL(0.286 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1	
<i>estradiol TABS PO</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ESTROGEL GEL (<i>estradiol</i>)	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST PO	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS PO	2	QL(1 EA daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS PO</i>	1	
<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR PO</i>	1	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1	
<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1	
<i>levofloxacin TABS PO</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl TABS PO</i>	1	
<i>ofloxacin PO 300 MG, 400 MG</i>	1	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	1	PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS PO</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>ursodiol TABS PO</i>	1	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone PO</i>	1	QL(2 EA daily)
Gastrointestinal Stimulants		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1	
<i>metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1	QL(60 ML daily)
<i>metoclopramide hcl TABS PO</i>	1	QL(6 EA daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS PO</i>	1	QL(9 EA daily)
DIPENTUM PO	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1	
<i>mesalamine CPDR PO</i>	1	
<i>mesalamine ENEM PR</i>	3	
<i>mesalamine SUPP PR</i>	3	
<i>mesalamine TBEC PO 800 MG</i>	3	QL(6 EA daily)
<i>mesalamine TBEC PO 1.2 GM</i>	3	
RENFLXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
<i>sulfasalazine TABS PO</i>	1	
<i>sulfasalazine TBEC PO</i>	1	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy) PO</i>	1	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl PO</i>	1	QL(2 EA daily)
LINZESS	2	QL(1 EA daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan PO</i>	1	
MOVANTIK PO	3	QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS PO</i>	1	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS PO</i>	1	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW PO</i>	1	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1	
<i>sevelamer carbonate TABS PO</i>	1	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR PO</i>	1	
<i>sodium citrate & citric acid PO</i>	1	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS PO	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1	
SORBITOL 3 %	1	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS PO	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl PO</i>	1	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dutasteride PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl PO</i>	3	PA
<i>finasteride PO</i>	1	5 mg only
<i>silodosin PO</i>	1	
<i>tamsulosin hcl PO</i>	1	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS PO 100 MG, 200 MG</i>	1	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 EA daily); PA
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 EA daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 EA daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 EA daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid PO</i>	1	
Gout Agents		
<i>allopurinol PO 100 MG, 300 MG</i>	1	
<i>colchicine TABS PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>febuxostat</i>	1	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid PO</i>	1	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIIO 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT, 4000 UNIT	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOSY</i>	1	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
RUCONEST	1	QL(0.143 EA daily); PA
Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors		
TAVALISSE	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline PO</i>	1	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl PO</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aspirin-dipyridamole PO</i>	1	QL(2 EA daily); PA	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
BRILINTA PO	2	QL(2 EA daily)	LEUKINE SOLR IJ	1	PA
<i>cilostazol PO</i>	1		MIRCERA	4	PA
<i>clopidogrel bisulfate PO 75 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	MULPLETA	4	QL(1 EA daily); PA
<i>clopidogrel bisulfate PO 300 MG</i>	1		NYVEPRIA	4	PA
<i>dipyridamole PO</i>	1		PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
<i>prasugrel hcl PO</i>	1	QL(1 EA daily)	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
ZONTIVITY PO	3	PA	PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders			PROMACTA PACK	4	QL(1 EA daily); PA
Agents for Gaucher Disease			PROMACTA TABS PO	4	QL(1 EA daily); PA
CERDELGA	1	QL(2 EA daily); PA	RETACRIT	4	PA
CEREZYME 400 UNIT	1	PA	UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); PA	UDENYCA SOAJ	4	PA
Agents for Sickle Cell Disease			UDENYCA SOSY	4	PA
DROXIA CAPS	3		ZARXIO	1	PA
Cobalamins			Iron		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1	QL(1 ML daily)	<i>ferrous sulfate SOLN PO 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
Folic Acid/Folates			<i>ferrous sulfate TABS PO 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>folic acid TABS PO 1 MG, 400 MCG</i>	0		<i>ferrous sulfate TBEC PO</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors			Stem Cell Mobilizers		
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML, 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	PA	<i>plerixafor</i>	4	PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	PA	HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
DOPTELET	4	QL(3 EA daily); PA	Hemostatics - Systemic		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aminocaproic acid TABS PO</i>	1	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1	
<i>tranexamic acid TABS PO</i>	1	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX PO</i>	1	
<i>phenobarbital TABS PO</i>	1	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep) PO</i>	1	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam PO</i>	1	
<i>eszopiclone PO</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); PA
<i>flurazepam hcl PO</i>	1	PA
<i>temazepam PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>triazolam PO</i>	1	
<i>zaleplon PO 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon PO 5 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS PO</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR PO</i>	1	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon PO</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS PO</i>	1	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid PO</i>	1	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR PO 236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride PO</i>	1	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN PO</i>	1	
Saline Laxatives		
OSMOPREP PO	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl TBEC PO</i>	1	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS PO 250 MG</i>	1	
<i>docusate sodium CAPS PO 100 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK PO</i>	1	
<i>azithromycin SOLR</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>azithromycin SUSR PO</i>	1	
<i>azithromycin TABS PO 600 MG</i>	1	QL(0.286 EA daily)
<i>azithromycin TABS PO 500 MG</i>	1	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS PO 250 MG</i>	1	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR PO</i>	1	
<i>clarithromycin TABS PO</i>	1	
<i>clarithromycin TB24 PO</i>	1	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP PO</i>	3	
<i>erythromycin base TABS PO</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC PO</i>	1	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR PO</i>	1	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS PO</i>	3	
Fidaxomicin		
DIFICID TABS	2	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 EA daily)
DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
FEMCAP DEVI	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PS PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PS MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SENSATION PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SENSATION MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MISC	0	QL(2 EA daily)
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 EA daily)
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 EA daily)
MAXX PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
MAXX MISC	0	QL(2 EA daily)
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
REALITY LATEX CONDOMS MISC	0	QL(2 EA daily)
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 EA daily)
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0	
TROJAN ULTRA THIN MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0	
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0	
TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0	
TRUE COVER DEVI	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0	
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0	
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC	0	QL(2 EA daily)	Diabetic Supplies		
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	PA
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	PA
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE READER	3	PA
TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	QL(2 EA daily)	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1	#, RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0		RELION LANCET DEVICES 30G	1	#, RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0		RELION LANCETS	1	#, RX/OTC
			SELECT LANCETS	1	6.66/day
			TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1	#
			Parenteral Therapy Supplies		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day; #	<i>eletriptan hydrobromide PO</i>	1	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); PA
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches			<i>frovatriptan succinate PO</i>	1	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); PA
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag			<i>naratriptan hcl PO</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS PO 10 MG</i>	1	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS PO 5 MG</i>	1	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP PO 10 MG</i>	1	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP PO 5 MG</i>	1	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
UBRELVY PO	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail); PA	<i>sumatriptan</i>	1	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Combinations			<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>ergotamine w/ caffeine TABS PO</i>	1		<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan-naproxen sodium PO</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)	<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Products			<i>sumatriptan succinate TABS PO</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1	QL(0.267 ML daily)	<i>zolmitriptan SOLN</i>	1	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1				
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)			
Serotonin Agonists					
<i>almotriptan malate PO 12.5 MG</i>	1	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA			
<i>almotriptan malate PO 6.25 MG</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zolmitriptan TABS PO</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA	<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1	
<i>zolmitriptan TBDP PO</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA	<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1	
MINERALS & ELECTROLYTES			POTASSIUM CHLORIDE IN NACL 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	1	
Bicarbonates			<i>ringer's</i>	1	
<i>sodium acetate SOLN</i>	1		Fluoride		
SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	1		<i>sodium fluoride CHEW PO</i>	0	QL(1 EA daily)
Calcium			Magnesium		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1		<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1	
Electrolyte Mixtures			Phosphate		
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1		<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1	
<i>electrolyte-148</i>	1		Potassium		
<i>electrolyte-a</i>	1		<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1	
IONOSOL-MB IN D5W	1		<i>potassium bicarbonate TBEF PO</i>	1	
ISOLYTE-P IN D5W	1		<i>potassium chloride microencapsulated crystals er PO</i>	1	
ISOLYTE-S	1		<i>potassium chloride CPCR PO</i>	1	
KCL IN DEXTROSE-NAACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	1		<i>potassium chloride PACK PO 20 MEQ</i>	1	PA
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1				
<i>lactated ringer's</i>	1				
NORMOSOL-M IN D5W	1				
NORMOSOL-R PH 7.4	1				
PLASMA-LYTE 148 (electrolyte-148)	1				
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	1				
<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1		<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 EA daily); PA
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1		<i>mycophenolate mofetil CAPS PO</i>	1	
<i>potassium chloride TBCR PO 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1		<i>mycophenolate mofetil TABS PO</i>	1	
Sodium			<i>mycophenolate sodium PO</i>	1	
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1		NULOJIX	4	PA
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES			PROGRAF PACK	2	PA
Chelating Agents			PROGRAF SOLN	2	
<i>penicillamine CAPS PO</i>	1	PA	SIMULECT	3	
<i>penicillamine TABS PO</i>	1	QL(8 EA daily)	<i>sirolimus TABS PO</i>	1	
<i>trientine hcl PO 250 MG</i>	4	QL(8 EA daily); PA	<i>tacrolimus CAPS PO</i>	1	
Immunomodulators			THYMOGLOBULIN	4	PA
<i>lenalidomide PO</i>	4	QL(1 EA daily); PA	Irrigation Solutions		
THALOMID PO	4	QL(3 EA daily); PA	<i>irrigation solutions, physiological</i>	1	
Immunosuppressive Agents			<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1	
ATGAM	4	PA	<i>ringer's irrigation</i>	1	
AZATHIOPRINE SODIUM	1		<i>water for irrigation, sterile</i>	1	
<i>azathioprine TABS PO</i>	1		Potassium Removing Agents		
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS PO</i>	1		LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN PO</i>	1		<i>sodium polystyrene sulfonate POWD PO</i>	1	
<i>cyclosporine CAPS PO</i>	1		<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1		MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
ENSPRYNG	4	PA	Anesthetics Topical Oral		
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 EA daily); PA	<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1	
			<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1	QL(4 ML daily)
			Anti-infectives - Throat		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clotrimazole</i>	1		MULTI PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1		NEONATAL COMPLETE TABS PO 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Antiseptics - Mouth/Throat			NEONATAL PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1		NEONATAL PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
DEBACTEROL	2		NEONATAL VITAMIN TABS PO	2	QL(1 EA daily)
Dental Products			NIVA-PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC	ONE VITE WOMENS PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental			ONE VITE WOMENS TABS PO	2	QL(1 EA daily)
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1		PRENATAL ONE DAILY TABS PO	2	QL(1 EA daily)
Throat Products - Misc.			PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>cevimeline hcl PO</i>	1		PRENATAL PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>pilocarpine hcl (oral) PO</i>	1		PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
MULTIVITAMINS			PRENATAL VITAMINS TABS PO 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
Ped MV w/ Fluoride			PRENATAL VITAMIN TABS PO	2	QL(1 EA daily)
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW PO</i>	1	RX/OTC			
Prenatal Vitamins					
CLASSIC PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)			
CVS PRENATAL TABS PO 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)			
EQL PRENATAL FORMULA TABS PO	2	QL(1 EA daily)			
FT PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)			
GNP PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)			
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS PO	2	QL(1 EA daily)			
MASONATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)			
M-NATAL PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRENATAL/IRON TABS PO 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
PRENATRIX TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS PO	2	QL(1 EA daily)
QC PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
RA PRENATAL FORMULA TABS PO	2	QL(1 EA daily)
RA PRENATAL TABS PO	2	QL(1 EA daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS PO	2	QL(1 EA daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
TRICARE TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
VITATHELY WITH GINGER TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS PO	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS PO</i>	1	
<i>carisoprodol TABS PO</i>	1	
<i>chlorzoxazone TABS PO 750 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>chlorzoxazone TABS PO 500 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS PO 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>metaxalone PO 800 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>methocarbamol TABS PO 500 MG, 750 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>orphenadrine citrate TB12 PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>tizanidine hcl CAPS PO</i>	1	
<i>tizanidine hcl TABS PO</i>	1	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS PO</i>	1	QL(4 EA daily)
Muscle Relaxant Combinations		
<i>orphenadrine w/ aspirin & caff PO 385 MG-30 MG-25 MG</i>	3	PA
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1	QL(1 ML daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1	QL(1.14 GM daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>riluzole TABS PO</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX E/DEXTROSE (5/20)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1	QL(2.5 ML daily)
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1	
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>apraclonidine hcl</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1	
IOPIDINE	3	
Ophthalmic Anti-infectives		
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
BESIVANCE	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1	
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1	
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1	
<i>trifluridine</i>	1	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1	
Ophthalmic Steroids		
ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1	QL(0.4 ML daily)
<i>difluprednate</i>	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymyx-dexameth OINT</i>	1	
<i>neomycin-polymyx-dexameth SUSP</i>	1	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1	QL(2.5 ML daily)
PRED MILD	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1	
ZYLET	3	PA
Ophthalmic Surgical Aids		
HEALON PRO SOSY	3	PA
PROVISC SOSY	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1	
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1	
<i>dorzolamide hcl</i>	1	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1	
LASTACRAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); PA
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1	RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1	QL(0.34 ML daily); RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1	
<i>tafluprost</i>	1	
<i>travoprost SOLN</i>	1	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1	QL(0.5 ML daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1	QL(0.5 EA daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1	QL(2 ML daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1	
Otic Steroids		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
CUVITRU SOLN 1 GM/5ML, 2 GM/10ML, 4 GM/20ML, 10 GM/50ML	1	PA
GAMMAGARD 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	1	PA
GAMMAGARD 30 GM/300ML	1	PA
GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR	4	PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	1	PA
GAMUNEX-C	1	PA
HIZENTRA SOLN	1	PA
HIZENTRA SOSY 10 GM/50ML	1	PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	1	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS PO</i>	1	
<i>amoxicillin CHEW PO 125 MG, 250 MG</i>	1	
<i>amoxicillin SUSR PO</i>	1	
<i>amoxicillin TABS PO</i>	1	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1	
<i>ampicillin CAPS PO 500 MG</i>	1	
Natural Penicillins		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR PO</i>	1	
<i>penicillin v potassium TABS PO</i>	1	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW PO</i>	1	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR PO</i>	1	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS PO</i>	1	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12 PO</i>	1	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM</i>	1	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium PO</i>	1	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	1	
<i>megestrol acetate (appetite) PO</i>	1	PA
<i>norethindrone acetate TABS PO</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>progesterone CAPS PO</i>	1	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium PO</i>	1	
<i>disulfiram PO</i>	1	
<i>lofexidine hcl</i>	1	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA
LUCEMYRA (<i>lofexidine hcl</i>)	3	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS PO 5 MG, 23 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS PO 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP PO 5 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP PO 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24 PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN PO</i>	1	QL(6 ML daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>memantine hcl TABS PO</i>	1	
<i>memantine hcl TABS PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS PO</i>	1	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline PO</i>	1	
<i>perphenazine-amitriptyline PO</i>	1	QL(4 EA daily)
Fibromyalgia Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS PO	2	QL(2 EA daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA
AUSTEDO TABS	1	QL(4 EA daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 EA daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
INGREZZA CPSP	4	QL(1 EA daily); PA
<i>tetrabenazine PO</i>	1	QL(3 EA daily); PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); PA
AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); PA
BETASERON KIT	4	SP
<i>dalfampridine</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1	QL(2 EA daily)
<i> fingolimod hcl PO</i>	4	QL(1 EA daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)
LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.0357 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); PA
<i>teriflunomide PO</i>	4	QL(1 EA daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUEDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS PO</i>	1	
<i>pimozide PO</i>	1	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent) PO</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE KIT	0	
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 EA daily)
NICOTROL NS SOLN	0	
NICOTROL INHA	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>varenicline tartrate TABS PO</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	1	PA
PROLASTIN-C SOLR	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); PA
TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 EA daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS PO 534 MG</i>	4	QL(3 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS PO 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS PO</i>	1	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluorocyclines		
XERAVA	4	PA
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS PO</i>	1	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS PO 75 MG</i>	1	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS PO 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS PO 50 MG, 75 MG</i>	1	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS PO 100 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate CAPS PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1	
<i>doxycycline hyclate TABS PO 20 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>minocycline hcl CAPS PO</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>minocycline hcl TABS PO</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>tetracycline hcl CAPS PO</i>	1	
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS PO</i>	1	
<i>propylthiouracil PO</i>	1	
Thyroid Hormones		
<i>ADTHYZA TABS PO 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG</i>	2	
<i>ARMOUR THYROID TABS PO</i>	2	QL(1 EA daily)
<i>levothyroxine sodium TABS PO</i>	1	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1	
<i>liothyronine sodium TABS PO</i>	1	
<i>NP THYROID TABS PO</i>	1	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
<i>ADACEL SUSP</i>	0	
<i>BOOSTRIX SUSP</i>	0	
<i>BOOSTRIX SUSY</i>	0	
<i>DAPTACEL</i>	0	
<i>DIPHThERIA-TETANUS TOXOIDS DT SUSP</i>	0	
<i>INFANRIX</i>	0	
<i>KINRIX SUSY</i>	0	
<i>PEDIARIX SUSY</i>	0	
<i>PENTACEL</i>	0	
<i>QUADRACEL SUSP</i>	0	
<i>QUADRACEL SUSY</i>	0	
<i>TDVAX SUSP</i>	0	
<i>TENIVAC INJ</i>	0	
<i>TETANUS-DIPHThERIA TOXOIDS TD SUSP</i>	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide PO</i>	1	
<i>dicyclomine hcl CAPS PO</i>	1	
<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1	
<i>dicyclomine hcl TABS PO</i>	1	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1	
<i>glycopyrrolate TABS PO 2 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>glycopyrrolate TABS PO 1 MG</i>	1	
<i>methscopolamine bromide PO</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine hcl PO 300 MG/5ML</i>	1	QL(20 ML daily)
<i>cimetidine TABS PO</i>	1	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML, 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1	
<i>famotidine SUSR PO</i>	1	QL(10 ML daily)
<i>famotidine TABS PO 20 MG, 40 MG</i>	1	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS PO</i>	1	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP PO</i>	1	QL(40 ML daily)
<i>sucralfate TABS PO</i>	1	QL(4 EA daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole PO</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR PO 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR PO 20 MG</i>	1	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR PO 15 MG</i>	1	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>lansoprazole CPDR PO 30 MG</i>	1	
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	1	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR PO</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>omeprazole CPDR PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole TBEC PO</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC PO 40 MG</i>	1	
<i>pantoprazole sodium TBEC PO 20 MG</i>	1	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rabeprazole sodium TBEC PO</i>	3	QL(1 EA daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol PO</i>	1	QL(4 EA daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS PO 1100 MG-20 MG</i>	1	QL(1 EA daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1	
<i>oxybutynin chloride TABS PO 5 MG</i>	1	
<i>oxybutynin chloride TB24 PO</i>	1	
<i>solifenacin succinate TABS PO</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24 PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate TABS PO</i>	1	
<i>tropium chloride CP24 PO</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>tropium chloride TABS PO</i>	1	QL(3 EA daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride PO 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bethanechol chloride PO 25 MG</i>	1	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flvoxate hcl PO</i>	1	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BXSERO	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	
PNEUMOVAX 23 SOLN	0	
PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
TRUMENBA	0	
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail
Viral Vaccines		
ABRYSVO	0	
AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0	
COMIRNATY SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COMIRNATY SUSY	0	
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	JANSSEN COVID-19 VACCINE	0	
FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 BIVAL 6M-5Y	0	
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 BIVALENT	0	
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC (BOOSTER) SUSP	0	
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACC 6M-5Y SUSP	0	
FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0	
GARDASIL 9 SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER COVID-19 BIVAL 6MO-4YR	0	
HAVRIX	0		PFIZER COVID-19 VAC BIVAL 5-11	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail	PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0	
IPOL	0		PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0	
			PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0	
			PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0	
			PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0	
			PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
			PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
RECOMBIVAX HB SUSP	0	
RECOMBIVAX HB SUSY	0	
ROTARIX SUSP	0	
ROTARIX SUSR PO	0	
ROTATEQ SOLN PO	0	
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
SPIKEVAX SUSP	0	
SPIKEVAX SUSY	0	
TWINRIX SUSY	0	
VAQTA	0	
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Spermicides		
SHUR-SEAL CONTRACEPTIVE GEL	0	
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1	QL(15.15 GM daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1	QL(2 GM daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl PO</i>	1	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS PO 1.25 MG, 50000 UNIT</i>	1	
<i>cholecalciferol TABS PO 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS PO</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NIACIN ER TBCR PO	1	
<i>niacinamide TABS PO</i>	1	
<i>niacin CPCR PO 250 MG, 500 MG</i>	1	
<i>niacin TABS PO</i>	1	
<i>niacin TBCR PO</i>	1	
SLO-NIACIN TBCR PO 500 MG, 750 MG (<i>niacin</i>)	1	

INDEX

abacavir sulfate SOLN PO	31	acyclovir CAPS PO	33	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML	9
abacavir sulfate TABS PO	31	acyclovir SUSP PO	33	albuterol sulfate NEBU	9
abacavir sulfate-lamivudine PO	31	acyclovir TABS PO	33	albuterol sulfate SYRP PO	9
ABELCET	18	acyclovir topical CREA	41	albuterol sulfate TABS PO	9
abiraterone acetate 250 MG	25	acyclovir topical OINT	41	alclometasone dipropionate CREA	41
abiraterone acetate 500 MG	25	ADACEL SUSP	64	alclometasone dipropionate OINT	41
ABRYSVO	66	adapalene CREA	38	ALDURAZYME	46
acamprosate calcium PO	62	adapalene GEL 0.1 %	38	ALECENSA	27
acarbose PO	15	adapalene GEL 0.3 %	38	alendronate sodium TABS PO 35 MG, 70 MG	45
acebutolol hcl CAPS PO	33	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	38	alendronate sodium TABS PO 5 MG, 10 MG	45
acetaminophen w/ codeine SOLN PO	6	ADCETRIS	25	alfuzosin hcl PO	48
acetaminophen w/ codeine TABS PO 15 MG-300 MG	6	adefovir dipivoxil PO	32	ALINIA SUSR PO	22
acetaminophen w/ codeine TABS PO 30 MG-300 MG	6	ADEMPAS PO	35	aliskiren fumarate PO	22
acetaminophen w/ codeine TABS PO 60 MG-300 MG	6	ADTHYZA TABS PO 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	64	allopurinol PO 100 MG, 300 MG	49
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS PO 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADVATE	49	almotriptan malate PO 12.5 MG	54
acetazolamide CP12 PO	44	ADYNOVATE	49	almotriptan malate PO 6.25 MG	54
acetazolamide sodium	44	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	66	ALOCRIL	60
acetazolamide TABS PO 125 MG	44	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	66	alogliptin benzoate	16
acetazolamide TABS PO 250 MG	44	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	66	alogliptin-metformin hcl	15
acetic acid (otic)	60	AFLURIA SUSP	66	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	15
acetic acid 0.25 %	48	AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	49	alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG	15
acetylcysteine SOLN	38	AIMOVIG	54	ALOMIDE	60
acitretin PO 10 MG, 17.5 MG	40	AIMSCO LUBRICATED MISC	52	alosetron hcl PO	48
acitretin PO 25 MG	40	AKYNZEO PO	18	alprazolam TABS PO	8
ACTHAR GEL	45	albendazole PO	7	alprazolam TB24 PO	8
ACTHIB SOLR IM	66	albuterol sulfate AERS	9	alprazolam TBDP PO	8
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	28			ALPROLIX	49

ALREX SUSP (lorteprednol etabonate)	59	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil PO	21	ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM	61
ALTABAX	39	amlodipine besylate-valsartan PO	21	ampicillin CAPS PO 500 MG	61
ALTUVIIIIO 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT, 4000 UNIT	49	amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide PO	21	ampicillin sodium IJ 1 GM	61
ALUNBRIG TABS PO	27	amoxapine PO	15	anagrelide hcl PO	49
ALUNBRIG TBPK	27	amoxicillin & pot clavulanate CHEW PO	61	anastrozole PO	25
ALVESCO	9	amoxicillin & pot clavulanate SUSR PO	61	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
alvimopan PO	48	amoxicillin & pot clavulanate TABS PO	61	ANNOVERA	37
amantadine hcl CAPS PO	29	amoxicillin & pot clavulanate TB12 PO	61	ANORO ELLIPTA	9
amantadine hcl SOLN	29	amoxicillin CAPS PO	61	ANZEMET TABS PO 50 MG	17
amantadine hcl TABS PO	29	amoxicillin CHEW PO 125 MG, 250 MG	61	APIDRA SOLN	16
ambrisentan PO	35	amoxicillin SUSR PO	61	APIDRA SOLOSTAR SOPN	16
amcinonide CREA	41	amoxicillin TABS PO	61	apomorphine hydrochloride SOCT	29
amcinonide LOTN	41	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	65	apraclonidine hcl	59
amcinonide OINT	41	amphetamine sulfate TABS PO	1	aprepitant CAPS PO 40 MG, 125 MG	18
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2	amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 15 MG	1	aprepitant CAPS PO 80 MG	18
amiloride & hydrochlorothiazide PO 45	45	amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 20 MG, 25 MG, 30 MG	1	aprepitant CAPS PO	18
amiloride hcl TABS PO	45	amphetamine-dextroamphetamine CP24 PO 5 MG, 10 MG	1	aprepitant MISC PO	18
aminocaproic acid TABS PO	51	amphetamine-dextroamphetamine TABS PO 30 MG	1	APTIOM	11
aminophylline SOLN	10	amphetamine-dextroamphetamine TABS PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG	1	APTIVUS CAPS	31
amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML . 8	8	amphotericin b IV	18	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML, 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	50
amiodarone hcl TABS PO	8	amphotericin b liposome	18	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	50
amitriptyline hcl TABS PO	15			ARCALYST	3
amlodipine besylate TABS PO	34			AREXVY	66
amlodipine besylate-atorvastatin calcium PO	34			arformoterol tartrate	9
amlodipine besylate-benazepril hcl PO	21			ARIKAYCE	2

aripiprazole SOLN PO	31	MG/5ML	64	(rufinamide)	11
aripiprazole TABS PO	31	ATROVENT HFA	9	BAXDELA SOLR	47
armodafinil PO	1	AUSTEDO TABS	62	BAXDELA TABS	47
ARMOUR THYROID TABS PO ...	64	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION		BELSOMRA	51
ARNUITY ELLIPTA	9	TEPK	62	benazepril & hydrochlorothiazide PO	
arsenic trioxide 10 MG/10ML	28	AUSTEDO XR TB24	62	12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	21
ARZERRA	25	AVONEX PEN AJKT	62	benazepril & hydrochlorothiazide PO	
asenapine maleate 2.5 MG	30	AVONEX PREFILLED PSKT	62	12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	21
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	30	AYVAKIT	26	benazepril hcl PO	20
aspirin CHEW PO	5	azacitidine SUSR	24	bendamustine hcl SOLR	24
aspirin TABS PO 325 MG	5	AZATHIOPRINE SODIUM	56	BENEFIX KIT	49
aspirin TBEC PO 81 MG	5	azathioprine TABS PO	56	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD .	38
aspirin-dipyridamole PO	50	azelaic acid GEL	44	BENZEPRO FOAM 5.3 %	38
atazanavir sulfate CAPS PO 150 MG,		azelastine hcl (ophth)	60	benzonatate PO 100 MG	38
300 MG	31	azelastine hcl	58	benzonatate PO 150 MG	38
atazanavir sulfate CAPS PO 200 MG		AZELEX	38	benzonatate PO 200 MG	38
31		azithromycin PACK PO	51	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	
atenolol & chlorthalidone PO	21	azithromycin SOLR	51	38
atenolol TABS PO	33	azithromycin SUSR PO	52	benzoyl peroxide GEL 10 %	38
ATGAM	56	azithromycin TABS PO 250 MG ...	52	benzoyl peroxide GEL 5 %	38
atomoxetine hcl PO 10 MG, 18 MG,		azithromycin TABS PO 500 MG ...	52	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %	.38
25 MG, 40 MG	1	azithromycin TABS PO 600 MG ...	52	benzoyl peroxide-erythromycin GEL .	38
atomoxetine hcl PO 60 MG, 80 MG,		aztreonam 1 GM	22	38	
100 MG	1	bacitracin (ophthalmic)	59	benztropine mesylate SOLN	29
atorvastatin calcium TABS PO	20	bacitracin	22	benztropine mesylate TABS PO ...	29
atovaquone PO	22	baclofen TABS PO	58	bepotastine besilate	60
atovaquone-proguanil hcl PO	23	balsalazide disodium CAPS PO ...	48	BESIVANCE	59
atracurium besylate 50 MG/5ML, 100		BALVERSA	27	betaine PO	46
MG/10ML	59	BANZEL TABS PO 200 MG		betamethasone dipropionate (topical)	
atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML,		(rufinamide)	11	CREA	41
1 MG/ML	64	BANZEL TABS PO 400 MG		betamethasone dipropionate (topical)	
atropine sulfate SOSY IJ 0.25					

LOTN	41	BOOSTRIX SUSY	64	buprenorphine hcl SOLN	7
betamethasone dipropionate (topical) OINT	41	bortezomib SOLR IJ	27	buprenorphine hcl SUBL	7
betamethasone dipropionate augmented CREA	41	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	27	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7
betamethasone dipropionate augmented LOTN	41	bosentan TABS	35	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG ..	7
betamethasone dipropionate augmented OINT	41	BOSULIF TABS	27	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7
betamethasone valerate CREA ...	42	BRAFTOVI PO 75 MG	27	buprenorphine PTWK	7
betamethasone valerate FOAM ...	42	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)	10	bupropion hcl (smoking deterrent) PO	63
betamethasone valerate LOTN	42	BREO ELLIPTA	10	bupropion hcl TABS PO	13
betamethasone valerate OINT	42	BREZTRI AEROSPHERE	10	bupropion hcl TB12 PO 100 MG ...	13
BETASERON KIT	62	BRILINTA PO	50	bupropion hcl TB12 PO 150 MG ...	13
betaxolol hcl (ophth) SOLN	59	brimonidine tartrate (topical)	44	bupropion hcl TB12 PO 200 MG ...	13
betaxolol hcl PO	33	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	59	bupropion hcl TB24 PO 150 MG ...	13
bethanechol chloride PO 25 MG ...	66	brimonidine tartrate-timolol maleate . 59		bupropion hcl TB24 PO 300 MG ...	13
bethanechol chloride PO 5 MG, 10 MG, 50 MG	65	brinzolamide	60	buspirone hcl PO	8
bexarotene (topical)	40	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML ...	11	busulfan SOLN	24
bexarotene PO	28	BRIVIACT TABS	12	butalbital-acetaminophen TABS PO 50 MG-325 MG	4
BEXSERO	66	bromfenac sodium (ophth)	60	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS PO 40 MG-50 MG-300 MG ..	4
bicalutamide PO	25	bromocriptine mesylate CAPS PO .29		butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS PO 40 MG-50 MG-325 MG ..	4
BIJUVA	47	bromocriptine mesylate TABS PO 2.5 MG	29	butalbital-acetaminophen-caffeine TABS PO 40 MG-50 MG-325 MG ..	4
BIKTARVY	31	BRUKINSA	27	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine PO 30 MG-40 MG-50 MG- 300 MG	6
bimatoprost SOLN	60	budesonide (inhalation) SUSP	9	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine PO 30 MG-40 MG-50 MG- 325 MG	6
bisacodyl TBEC PO	51	budesonide (intrarectal)	7		
bisoprolol & hydrochlorothiazide PO . 21		budesonide (nasal)	58		
bisoprolol fumarate PO	33	budesonide CPEP PO	37		
bleomycin sulfate 15 UNIT	26	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10		
BOOSTRIX SUSP	64	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...	45		
		bumetanide TABS PO	45		

butalbital-aspirin-caffeine CAPS PO 4	captopril PO 25 MG, 50 MG, 100 MG	MG/5ML, 375 MG/5ML	35
butalbital-aspirin-caffeine w/cod PO 6	cefadroxil CAPS PO	35
butenafine hcl	carbamazepine CHEW PO 100 MG	cefadroxil SUSR PO	35
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2	12	cefadroxil TABS PO	35
MG/ML	carbamazepine CP12 PO 100 MG	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10	
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .7	12	GM, 500 MG	35
cabergoline PO	carbamazepine CP12 PO 200 MG	cefdinir CAPS PO	36
CABOMETYX TABS PO	12	cefdinir SUSR PO	36
calcipotriene CREA	carbamazepine CP12 PO 300 MG	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	36
calcipotriene OINT	12	cefixime CAPS PO	36
calcipotriene SOLN	carbamazepine SUSP PO	cefixime SUSR PO	36
calcipotriene-betamethasone	carbamazepine TABS PO	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	35
dipropionate OINT	12	cefoxitin sodium IV	35
calcipotriene-betamethasone	carbamazepine TB12 PO 100 MG,	cefpodoxime proxetil SUSR PO ...	36
dipropionate SUSP	400 MG	cefpodoxime proxetil TABS PO ...	36
calcitonin (salmon) NA	12	cefpodoxime proxetil TABS PO ...	36
calcitriol (topical)	carbamazepine TB12 PO 200 MG .12	cefprozil SUSR PO	35
calcitriol CAPS PO	carbidoPOA PO	cefprozil TABS PO	35
calcitriol SOLN IV	29	ceftazidime IV 2 GM, 6 GM	36
calcium acetate (phosphate binder)	carbidoPOA-levodopa TABS PO	ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM,	
CAPS PO	29	250 MG, 500 MG	36
calcium acetate (phosphate binder)	carbidoPOA-levodopa TBCR PO	cefuroxime axetil TABS PO	35
TABS PO	29	cefuroxime sodium IJ 750 MG	36
calcium chloride (dihydrate) SOLN 55	carbidoPOA-levodopa TBDP PO	celecoxib PO	3
calcium polycarbophil TABS PO ..	29	cephalexin CAPS PO	35
CALQUENCE	carbidoPOA-levodopa-entacapone PO .	cephalexin SUSR PO	35
candesartan cilexetil PO	29	CERDELGA	50
candesartan cilexetil-	carbinoxamine maleate SOLN PO .18	CEREZYME 400 UNIT	50
hydrochlorothiazide PO	19	cetirizine hcl TABS PO	19
capecitabine PO	carbinoxamine maleate TABS PO 4	cevimeline hcl PO	57
CAPRELSA PO	MG	CHEMET PO	17
captopril PO 12.5 MG	24	CHEMSTRIP K STRP	44
	carisoprodol TABS PO		
	58		
	carmustine		
	24		
	carteolol hcl (ophth)		
	59		
	carvedilol phosphate PO		
	33		
	carvedilol PO		
	33		
	casprofungin acetate		
	18		
	CAYA DPRH		
	52		
	CAYSTON		
	22		
	cefaclor CAPS PO		
	35		
	cefaclor SUSR PO 125 MG/5ML, 250		

chloramphenicol sodium succinate 22	ciclopirox SOLN39	MG 19
chlordiazepoxide hcl CAPS PO8	cidofovir32	CLIMARA PRO47
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide PO 64	cilostazol PO 50	clindamycin hcl PO 22
chlordiazepoxide-amitriptyline PO .62	CIMDUO31	clindamycin palmitate hydrochloride PO 22
chlorhexidine gluconate (mouth- throat) 57	cimetidine hcl PO 300 MG/5ML 65	clindamycin phosphate (topical) FOAM 38
chloroquine phosphate TABS PO 250 MG 23	cimetidine TABS PO 65	clindamycin phosphate (topical) GEL 38
chloroquine phosphate TABS PO 500 MG 23	cinacalcet hcl PO 46	clindamycin phosphate (topical) LOTN38
chlorpromazine hcl SOLN 30	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN 59	clindamycin phosphate (topical) SOLN 38
chlorpromazine hcl TABS PO 30	ciprofloxacin hcl (otic) 60	clindamycin phosphate (topical) SWAB 38
chlorthalidone PO 25 MG, 50 MG . 45	ciprofloxacin hcl TABS PO 47	clindamycin phosphate (topical) SOLN 38
chlorzoxazone TABS PO 500 MG .58	ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML . 47	clindamycin phosphate (topical) SWAB 38
chlorzoxazone TABS PO 750 MG .58	ciprofloxacin SUSR PO 47	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML 22
CHOLBAM 47	ciprofloxacin-dexamethasone 60	clindamycin phosphate vaginal CREA68
cholecalciferol CAPS PO 1.25 MG, 50000 UNIT 68	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide . 60	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)38
cholecalciferol TABS PO 10 MCG, 400 UNIT 68	cisplatin SOLN 100 MG/100ML ...24	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 % 38
cholestyramine light PACK PO 19	citalopram hydrobromide SOLN PO 14	clindamycin phosphate-tretinoin .. 38
cholestyramine light POWD PO ... 19	citalopram hydrobromide TABS PO 10 MG 14	CLINIMIX E/DEXTROSE (5/20) ... 59
cholestyramine PACK PO 19	citalopram hydrobromide TABS PO 20 MG 14	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) . 59
cholestyramine POWD PO 19	citalopram hydrobromide TABS PO 40 MG 14	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ... 59
choline fenofibrate PO 20	clarithromycin SUSR PO 52	clobazam SUSP11
CHORIONIC GONADOTROPIN IM 45	clarithromycin TABS PO 52	clobazam TABS PO11
ciclopirox GEL39	clarithromycin TB24 PO 52	clobetasol propionate CREA 0.05 % . 42
ciclopirox olamine CREA39	CLARITIN TABS PO (loratadine) ..19	clobetasol propionate emollient base 0.05 % 42
ciclopirox olamine SUSP39	CLASSIC PRENATAL TABS PO ..57	
ciclopirox SHAM 39	clemastine fumarate SYRP PO19	
	clemastine fumarate TABS PO 2.68	

clobetasol propionate FOAM	42	codeine sulfate TABS PO 30 MG ...	5	cromolyn sodium (ophth)	60
clobetasol propionate GEL 0.05 %	42	CODEINE SULFATE TABS PO	5	cromolyn sodium NEBU	9
clobetasol propionate OINT 0.05 %	42	colchicine TABS PO	49	crotamiton LOTN	44
clobetasol propionate SOLN 0.05 %	42	colchicine w/ probenecid PO	49	CUVITRU SOLN 1 GM/5ML, 2	
clocortolone pivalate	42	colesevelam hcl PACK	19	GM/10ML, 4 GM/20ML, 10 GM/50ML	61
clofarabine	24	colesevelam hcl TABS PO	19	CVS PRENATAL TABS PO 100 MG-	
clomipramine hcl PO	15	colestipol hcl GRAN PO	19	2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-	
clonazepam TABS PO	11	colestipol hcl PACK PO	19	1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25	
clonidine hcl (adhd) TB12 PO	1	colestipol hcl TABS PO	19	MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT .	57
clonidine hcl TABS PO	21	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE)		cyanocobalamin SOLN IJ 1000	
clonidine PTWK	21	KIT	27	MCG/ML	50
clopidogrel bisulfate PO 300 MG ..	50	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE)		cyclobenzaprine hcl TABS PO 5 MG,	
clopidogrel bisulfate PO 75 MG ...	50	KIT	27	10 MG	58
clorazepate dipotassium TABS PO .	8	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE)		cyclophosphamide CAPS	24
clotrimazole (topical) CREA	39	KIT	27	cyclophosphamide SOLR IJ	24
clotrimazole (topical) SOLN	39	COMIRNATY SUSP	66	cycloserine PO	24
clotrimazole	57	COMIRNATY SUSY	66	cyclosporine (ophth) EMUL	59
clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	68	COMPLERA	31	cyclosporine CAPS PO	56
clotrimazole w/ betamethasone		CONTRAVE PO	1	cyclosporine modified (for	
CREA	39	COPIKTRA PO	27	microemulsion) CAPS PO	56
clotrimazole w/ betamethasone		CORDRAN TAPE	42	cyclosporine modified (for	
LOTN	39	CORDRAN TAPE	42	microemulsion) SOLN PO	56
clozapine TABS PO	30	CORTISPORIN-TC	60	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	56
clozapine TBDP PO 100 MG	30	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY .	40	CYLTEZO (2 PEN) AJKT	2
clozapine TBDP PO 12.5 MG	30	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY .	40	CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 10	
clozapine TBDP PO 150 MG	30	COSENTYX SENSOREADY (300		MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	3
clozapine TBDP PO 200 MG	30	MG) SOAJ	40	CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 20	
clozapine TBDP PO 25 MG	30	COSENTYX SENSOREADY PEN		MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	3
COARTEM	23	SOAJ	41	CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER	
		COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	41	AJKT	3
		COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	41	CYLTEZO-PSORIASIS/UV	
		COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	41	STARTER AJKT	3
		CRESEMBA CAPS 186 MG	18	cyproheptadine hcl SYRP PO	19

cyproheptadine hcl TABS PO19	DELSTRIGO31	50 MG14
CYSTAGON CAPS PO48	demeclocycline hcl TABS PO64	dexamethasone ELIX PO37
CYSTARAN60	DEPO-ESTRADIOL47	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC37
cytarabine SOLN24	DEPO-MEDROL SUSP37	dexamethasone sodium phosphate (ophth)59
dabigatran etexilate mesylate CAPS PO11	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC37	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML37
dacarbazine SOLR 200 MG28	desipramine hcl TABS PO15	dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML37
dactinomycin26	desloratadine TABS PO19	dexamethasone SOLN PO37
dalfampridine62	desloratadine TBDP PO 2.5 MG ...19	dexamethasone TABS PO37
danazol CAPS PO7	desmopressin acetate SOLN IJ ...46	dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18
dantrolene sodium CAPS PO58	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA46	dexlansoprazole PO65
dapagliflozin propanediol PO17	desmopressin acetate spray46	dexmethylphenidate hcl CP24 PO ..1
dapagliflozin propanediol-metformin hcl PO 1000 MG-10 MG15	desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %46	dexmethylphenidate hcl TABS PO ..1
dapagliflozin propanediol-metformin hcl PO 1000 MG-5 MG15	desmopressin acetate TABS PO 0.1 MG46	dextroamphetamine sulfate CP24 PO 10 MG, 15 MG1
dapsone PO22	desmopressin acetate TABS PO 0.2 MG46	dextroamphetamine sulfate CP24 PO 5 MG1
DAPTACEL64	desogestrel & ethinyl estradiol PO .36	dextroamphetamine sulfate TABS PO 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG1
daptomycin 500 MG22	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) PO36	dextroamphetamine sulfate TABS PO 5 MG, 10 MG1
darifenacin hydrobromide PO65	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) PO36	dextrose in lactated ringers55
darunavir TABS 600 MG31	desonide CREA42	DIACOMIT CAPS 250 MG12
darunavir TABS 800 MG31	desonide LOTN42	DIACOMIT CAPS 500 MG12
dasatinib27	desonide OINT42	DIACOMIT PACK 250 MG12
DAURISMO25	desoximetasone CREA 0.25 % ...42	DIACOMIT PACK 500 MG12
DEBACTEROL57	desoximetasone GEL42	diazepam (anticonvulsant) GEL PR 11
decitabine24	desoximetasone OINT 0.25 %42	
deferasirox PACK17	desvenlafaxine succinate PO 100 MG14	
deferasirox TABS PO17	desvenlafaxine succinate PO 25 MG,	
deferasirox TBSO17		
deflazacort SUSP PO37		
deflazacort TABS PO37		

diazepam CONC	8	NA 4 MG/ML	54	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	19
diazepam SOLN PO 5 MG/5ML	8	DILANTIN INFATABS CHEW PO (phenytoin)	13	diphenoxylate w/ atropine LIQD PO 17	
diazepam TABS PO	8	DILANTIN PO (phenytoin sodium extended)	13	diphenoxylate w/ atropine TABS PO . 17	
diazoxide	16	DILANTIN PO	13	DIPHThERIA-TETANUS TOXOIDS DT SUSP	64
dichlorphenamide PO	44	DILANTIN SUSP PO (phenytoin) ..	13	dipyridamole PO	50
diclofenac epolamine PTCH EX ...	40	DILANTIN-125 SUSP PO (phenytoin)	13	disopyramide phosphate CAPS PO .	8
diclofenac potassium TABS PO 50 MG	3	diltiazem hcl coated beads CP24 PO 120 MG, 300 MG, 360 MG	34	disulfiram PO	62
diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	40	diltiazem hcl coated beads CP24 PO 180 MG, 240 MG	34	DIURIL SUSP PO	45
diclofenac sodium (ophth)	60	diltiazem hcl CP12 PO	34	divalproex sodium TB24 PO	13
diclofenac sodium (topical) GEL EX 40		diltiazem hcl CP24 PO	34	divalproex sodium TBEC PO	13
diclofenac sodium TB24 PO	4	diltiazem hcl extended release beads PO 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG	34	docetaxel CONC 20 MG/ML	28
diclofenac sodium TBEC PO	4	diltiazem hcl extended release beads PO 420 MG	34	docetaxel SOLN 20 MG/2ML	28
diclofenac w/ misoprostol TBEC PO	4	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	34	docusate calcium PO	51
dicloxacillin sodium PO	61	DILTIAZEM HCL SOLR	34	docusate sodium CAPS PO 100 MG . 51	
dicyclomine hcl CAPS PO	64	diltiazem hcl TABS PO	34	docusate sodium CAPS PO 250 MG . 51	
dicyclomine hcl SOLN PO	64	diltiazem hcl TB24	34	dofetilide PO	8
dicyclomine hcl TABS PO	64	dimethyl fumarate CDPK	62	donepezil hydrochloride TABS PO 10 MG	62
DIFFERIN LOTN	39	dimethyl fumarate CPDR	62	donepezil hydrochloride TABS PO 5 MG, 23 MG	62
DIFICID TABS	52	DIPENTUM PO	48	donepezil hydrochloride TBDP PO 10 MG	62
diflorasone diacetate CREA	42	diphenhydramine hcl CAPS PO 50 MG	19	donepezil hydrochloride TBDP PO 5 MG	62
diflorasone diacetate OINT	42	diphenhydramine hcl ELIX PO 12.5 MG/5ML	19	DOPTelet	50
diflunisal TABS PO	5	diphenhydramine hcl LIQD PO 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML	19	dorzolamide hcl	60
difluprednate	59			dorzolamide hcl-timolol maleate ..	59
digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML	34				
digoxin TABS PO 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	34				
dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	54				
dihydroergotamine mesylate SOLN					

DOVATO	31	duloxetine hcl CPEP PO 20 MG, 30 MG, 60 MG	14	eletriptan hydrobromide PO	54
doxazosin mesylate PO	21	duloxetine hcl CPEP PO 40 MG ...	14	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	25
doxepin hcl (antipruritic)	40	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 43		ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25
doxepin hcl (sleep) PO	51	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	43	ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	10
doxepin hcl CAPS PO	15	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML 43		ELIQUIS TABS	10
doxepin hcl CONC PO	15	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 43		ELLA PO	37
doxercalciferol CAPS PO	46	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	43	ELMIRON CAPS PO	48
doxercalciferol SOLN	46	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	52	ELOCTATE	49
doxorubicin hcl liposomal SUSP ...	26	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	52	EMCYT PO	25
doxorubicin hcl SOLN	26	DUREX TROPICAL MISC	52	EMFLAZA SUSP PO (deflazacort)	37
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	26	dutasteride PO	49	EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	54
doxycycline (monohydrate) CAPS PO 50 MG, 100 MG	64	dutasteride-tamsulosin hcl PO	49	EMGALITY SOAJ	54
doxycycline (monohydrate) CAPS PO 75 MG	64	econazole nitrate CREA	39	EMGALITY SOSY	54
doxycycline (monohydrate) TABS PO 100 MG	64	EDARBI PO	20	EMSAM	13
doxycycline (monohydrate) TABS PO 50 MG, 75 MG	64	EDURANT	31	emtricitabine CAPS PO	31
doxycycline hyclate CAPS PO	64	efavirenz CAPS PO 200 MG	31	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	31
doxycycline hyclate SOLR	64	efavirenz CAPS PO 50 MG	31	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO 200 MG-300 MG	31
doxycycline hyclate TABS PO 20 MG, 100 MG	64	efavirenz TABS PO	31	EMTRIVA CAPS PO (emtricitabine)	31
doxylamine-pyridoxine TBEC PO ..	18	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate PO	31	EMTRIVA SOLN	31
dronabinol CAPS PO	18	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	31	EMVERM CHEW PO	7
drospirenone-ethinyl estradiol PO .	36	EGRIFTA SV	46	enalapril maleate & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-5 MG	21
drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium PO	36	ELAPRASE	46	enalapril maleate & hydrochlorothiazide PO 25 MG-10 MG	21
DROXIA CAPS	50	electrolyte-148	55	enalapril maleate TABS PO	20
DUAVEE	47	electrolyte-a	55		
DULERA	10	ELESTRIN GEL	47		

ENBREL MINI SOCT	4	epoprostenol sodium	35	escitalopram oxalate SOLN PO ...	14
ENBREL SOLN	4	EQL PRENATAL FORMULA TABS		escitalopram oxalate TABS PO 10	
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	PO	57	MG	14
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	EQUETRO PO 100 MG	30	escitalopram oxalate TABS PO 20	
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	EQUETRO PO 200 MG	30	MG	14
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	66	EQUETRO PO 300 MG	30	escitalopram oxalate TABS PO 5 MG	
ENGERIX-B SUSY	66	ERAXIS	18	14
enoxaparin sodium SOLN IJ 300		ERBITUX	25	esomeprazole magnesium CPDR PO	
MG/3ML	11	ergocalciferol CAPS PO	68	20 MG	65
enoxaparin sodium SOSY 100		ergocalciferol SOLN PO 200		esomeprazole magnesium CPDR PO	
MG/ML, 150 MG/ML	11	MCG/ML	68	40 MG	65
enoxaparin sodium SOSY 30		ergoloid mesylates TABS PO	63	esomeprazole magnesium TBEC .	65
MG/0.3ML	11	ERGOMAR SUBL	54	ESPEROCT	49
enoxaparin sodium SOSY 40		ergotamine w/ caffeine TABS PO .	54	estazolam PO	51
MG/0.4ML	11	eribulin mesylate	28	estradiol GEL	47
enoxaparin sodium SOSY 60		ERIVEDGE	25	estradiol PTTW	47
MG/0.6ML	11	ERLEADA 240 MG	25	estradiol PTWK	47
enoxaparin sodium SOSY 80		ERLEADA 60 MG	25	estradiol TABS PO	47
MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11	erlotinib hcl	25	estradiol vaginal CREA	68
ENSPRYNG	56	ERTACZO	39	estradiol vaginal TABS	68
entacapone PO	29	ertapenem sodium IJ	22	estradiol valerate	47
entecavir TABS PO	32	erythromycin (acne aid) PADS	39	ESTROGEL GEL (estradiol)	47
EPIDIOLEX	12	erythromycin (acne aid) SOLN	39	eszopiclone PO	51
epinastine hcl (ophth)	60	erythromycin (ophth)	59	ethacrynic acid PO	45
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15		erythromycin base CPEP PO	52	ethambutol hcl TABS PO	24
MG/0.3ML	68	erythromycin base TABS PO	52	ethosuximide CAPS PO	13
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3		erythromycin base TBEC PO	52	ethosuximide SOLN PO	13
MG/0.3ML	68	erythromycin ethylsuccinate SUSR		ethynodiol diacet & eth estrad PO	36
EPIVIR HBV SOLN	32	PO	52	etodolac CAPS PO	4
eplerenone PO	22	erythromycin ethylsuccinate TABS		etodolac TABS PO	4
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000		PO	52	etonogestrel-ethinyl estradiol	37
UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000		erythromycin ethylsuccinate TABS		ETOPOPHOS	28
UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	50	PO	52		

etoposide CAPS PO	28	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9	FIRDAPSE	23
etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	29	FC2 FEMALE CONDOM	52	FIRMAGON (240 MG DOSE)	25
etravirine PO 100 MG	31	febuxostat	49	FIRMAGON 80 MG	25
etravirine PO 200 MG	31	felbamate SUSP	13	flavoxate hcl PO	66
EUCRISA	43	felbamate TABS PO 400 MG	13	flecainide acetate PO	8
EVAMIST SOLN	47	felbamate TABS PO 600 MG	13	floxuridine	24
everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	56	felodipine PO	34	FLUAD	66
everolimus (immunosuppressant) 1 MG	56	FEMCAP DEVI	52	FLUAD QUADRIVALENT	66
everolimus TABS	27	FEMLYV TBDP	36	FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	66
EVOTAZ	31	FEMRING	68	FLUARIX SUSY	66
exemestane PO	25	fenofibrate micronized PO 43 MG, 130 MG	20	FLUBLOK QUADRIVALENT	66
ezetimibe PO	20	fenofibrate micronized PO 67 MG, 134 MG, 200 MG	20	FLUBLOK SOSY	66
ezetimibe-simvastatin PO	19	fenofibrate TABS PO 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	20	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	66
famciclovir PO 125 MG, 250 MG ..	33	fenopropfen calcium TABS PO	4	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	66
famciclovir PO 500 MG	33	FENSOLVI (6 MONTH) SC	46	FLUCELVAX SUSP	66
famotidine in nacl SOLN	65	fenofibrate TABS PO 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	20	FLUCELVAX SUSY	66
famotidine SOLN 20 MG/2ML, 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	65	fenofibrate TABS PO 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	20	fluconazole SUSR PO	18
famotidine SUSR PO	65	fenofibrate TABS PO 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	20	fluconazole TABS PO	18
famotidine TABS PO 20 MG, 40 MG . 65	65	ferrous sulfate SOLN PO 15 MG/ML, 15 MG/ML	50	flucytosine PO	18
FANAPT PO	30	ferrous sulfate TABS PO 325 MG, 65 MG, 325 MG	50	fludarabine phosphate SOLN	24
FANAPT TITRATION PACK PO ..	30	ferrous sulfate TBEC PO	50	fludarabine phosphate SOLR	24
FANTASY LUBRICATED MISC ...	52	ferrous sulfate TBEC PO	50	fludrocortisone acetate TABS PO ..	38
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 52	52	fesoterodine fumarate	65	FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY . 67	
FARXIGA PO (dapagliflozin propanediol)	17	FETZIMA CP24	15	FLULAVAL SUSY	67
FASENRA PEN SOAJ	8	FETZIMA TITRATION C4PK	15	FLUMIST	67
		finasteride PO	49	FLUMIST QUADRIVALENT	67
		fingolimod hcl PO	62	flunisolide (nasal)	58
				fluocinolone acetonide (otic)	61

fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 42	flurazepam hcl PO 51	FLUZONE SUSP 67
fluocinolone acetonide CREA 0.025 % 42	flurbiprofen sodium 60	FLUZONE SUSY 67
fluocinolone acetonide OIL 42	flurbiprofen TABS PO 4	FML FORTE SUSP 60
fluocinolone acetonide OINT 42	flutamide PO 25	FML OINT 60
fluocinolone acetonide SOLN 42	fluticasone furoate-vilanterol 10	folic acid TABS PO 1 MG, 400 MCG . 50
fluocinonide CREA 0.05 % 42	fluticasone propionate (inhalation) AEPB 9	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11
fluocinonide CREA 0.1 % 42	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 58	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11
fluocinonide emulsified base 42	fluticasone propionate CREA 0.05 % 42	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11
fluocinonide GEL 42	fluticasone propionate hfa 9	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11
fluocinonide OINT 42	fluticasone propionate LOTN 42	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST 44
fluocinonide SOLN 42	fluticasone propionate OINT 42	FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON 44
fluorometholone (ophth) SUSP 60	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT 10	formoterol fumarate NEBU 10
fluorouracil (topical) CREA 5 % 40	fluticasone-salmeterol AERO 10	FOSAMAX PLUS D PO 45
fluorouracil (topical) SOLN 40	fluvastatin sodium CAPS PO 20 MG . 20	fosamprenavir calcium TABS PO .31
fluorouracil 500 MG/10ML 24	fluvastatin sodium CAPS PO 40 MG . 20	fosfomycin tromethamine 23
fluoxetine hcl CAPS PO 10 MG 14	fluvoxamine maleate TABS PO 100 MG 14	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide PO 21
fluoxetine hcl CAPS PO 20 MG 14	fluvoxamine maleate TABS PO 25 MG, 50 MG 14	fosinopril sodium PO 20
fluoxetine hcl CAPS PO 40 MG 14	FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT 67	fosphenytoin sodium 13
fluoxetine hcl CPDR PO 14	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY 67	FRAGMIN SOSY 11
fluoxetine hcl SOLN PO 14	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP 67	FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER 53
fluoxetine hcl TABS PO 10 MG, 60 MG 14	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 67	FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR 53
fluoxetine hcl TABS PO 20 MG 14	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 67	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR 53
fluphenazine hcl CONC PO 31	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 67	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR 53
fluphenazine hcl ELIX PO 31		
fluphenazine hcl SOLN 31		
fluphenazine hcl TABS PO 31		
flurandrenolide CREA 42		
flurandrenolide LOTN 42		

FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..5361	glimepiride PO 1 MG, 2 MG 17
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	53 GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	glimepiride PO 4 MG17 glipizide TABS PO 5 MG, 10 MG ..17
FREESTYLE LIBRE 3 READER ..5361	glipizide TB24 PO17
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..53	GAMUNEX-C	glipizide-metformin hcl PO 250 MG- 2.5 MG, 500 MG-2.5 MG15
FREESTYLE LIBRE READER53	ganciclovir sodium SOLR	glipizide-metformin hcl PO 500 MG-5 MG 15
frovatriptan succinate PO	ganirelix acetate	GLUCAGEN DIAGNOSTIC44
FT PRENATAL TABS PO	GARDASIL 9 SUSP	glucagon (rdna)16
fulvestrant SOSY	GARDASIL 9 SUSY	glyburide micronized PO 1.5 MG, 3 MG, 6 MG 17
furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML	gatifloxacin (ophth)	glyburide TABS PO 17
.....45	gefitinib	glyburide-metformin PO 250 MG-1.25 MG 15
furosemide TABS PO	gemcitabine hcl SOLR 2 GM 24	glyburide-metformin PO 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG15
.....45	gemcitabine hcl SOLR 200 MG ...24	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % .. 48
FUZEON SOLR	gemfibrozil TABS PO	glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML 64
.....3120	glycopyrrolate TABS PO 1 MG 64
FYCOMPA TABS 2 MG	GENOTROPIN CART SC	glycopyrrolate TABS PO 2 MG 64
.....1146	GLYXAMBI PO15
FYCOMPA TABS 4 MG	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY 46	GNP PRENATAL TABS PO 57
.....11	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	GOHIBIC 49
FYCOMPA TABS 6 MG2	GOJJI BLOOD KETONE TEST ...44
.....11	gentamicin sulfate (ophth) OINT ...59	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML 17
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..59	granisetron hcl TABS PO 17
.....11	gentamicin sulfate (topical) CREA .39	GRASTEK SUBL2
gabapentin CAPS PO	gentamicin sulfate (topical) OINT ..39	griseofulvin microsize SUSP PO ...18
.....12	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML 2	griseofulvin microsize TABS PO ...18
gabapentin SOLN PO	GENVOYA	griseofulvin ultramicrosize PO 18
.....1231	
gabapentin TABS PO 600 MG, 800 MG	GILOTRIF	
.....1225	
galantamine hydrobromide CP24 PO 62	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 62	
galantamine hydrobromide SOLN PO62	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 62	
galantamine hydrobromide TABS PO62	GLEOSTINE PO 10 MG 24	
GAMMAGARD 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML61	
.....61	GLEOSTINE PO 40 MG, 100 MG .24	
GAMMAGARD 30 GM/300ML61		
GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR		

guanfacine hcl (adhd) PO	1	AJKT	3	PO 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6
guanfacine hcl PO	21	HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	3	hydrocodone-ibuprofen PO 10 MG- 200 MG, 5 MG-200 MG	6
GYNAZOLE-1	68	HUMIRA-PED>/=40KG CROHNS START PSKT	3	hydrocodone-ibuprofen PO 7.5 MG- 200 MG	6
HAEGARDA SOLR SC	49	HUMIRA-PED>/=40KG UC STARTER AJKT	3	hydrocortisone (intrarectal) PR	7
HALAVEN (eribulin mesylate)	29	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	3	hydrocortisone (rectal) EX	7
halcinonide CREA	42	HUMIRA-PSORIASIS/UEVIT STARTER AJKT	3	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	42
halobetasol propionate CREA	42	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	16	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 42	42
halobetasol propionate OINT	42	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	16	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	42
HALOG OINT	42	HYCANTIN CAPS PO	29	hydrocortisone acetate (rectal) PR ..	7
haloperidol decanoate	30	hydralazine hcl SOLN	22	hydrocortisone butyrate CREA	43
haloperidol lactate CONC PO	30	hydralazine hcl TABS PO	22	hydrocortisone butyrate OINT	43
haloperidol lactate SOLN	30	hydrochlorothiazide CAPS PO	45	hydrocortisone butyrate SOLN	43
haloperidol TABS PO	30	hydrochlorothiazide TABS PO	45	hydrocortisone sod succinate 100 MG	37
HAVRIX	67	hydrocodone bitartrate CP12 PO ...	5	hydrocortisone TABS PO	37
HEALON PRO SOSY	60	hydrocodone bitartrate T24A	5	hydrocortisone vaginal	68
HEMANGEOL SOLN PO	33	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER PO	38	hydrocortisone valerate CREA	43
HEPARIN (PORCINE) IN NAACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11		hydrocodone-acetaminophen SOLN PO 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	6	hydrocortisone valerate OINT	43
heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11	hydrocodone-acetaminophen SOLN PO 325 MG/15ML-10 MG/15ML	6	hydrocortisone w/acetic acid	61
HEPLISAV-B SOSY	67	hydrocodone-acetaminophen TABS PO 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	6	hydromorphone hcl LIQD PO	5
HIBERIX SOLR IJ	66	hydrocodone-acetaminophen TABS hydrocodone-acetaminophen TABS		hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5	5
HIZENTRA SOLN	61			hydromorphone hcl TABS PO	5
HIZENTRA SOSY 10 GM/50ML ...	61			hydromorphone hcl TB24 PO 32 MG 5	5
HUMATROPE CART IJ	46			hydromorphone hcl TB24 PO 8 MG, 12 MG, 16 MG	5
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	3				
HUMIRA (2 PEN) AJKT	3				
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	3				
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER					

hydroxychloroquine sulfate PO 100 MG	23	IMBRUVICA SUSP	27	INSULIN DEGLUDEC SOLN	16
hydroxychloroquine sulfate PO 200 MG	23	IMBRUVICA TABS	27	INTELENCE PO 25 MG	31
hydroxychloroquine sulfate PO 400 MG	23	imipenem-cilastatin IV	22	IONOSOL-MB IN D5W	55
hydroxyurea PO	28	imipramine hcl TABS PO	15	IOPIDINE	59
hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	8	imipramine pamoate PO	15	IPOL	67
hydroxyzine hcl SYRP PO	8	imiquimod 5 %	43	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 58	
hydroxyzine hcl TABS PO	8	IMPAVIDO	22	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 58	
hydroxyzine pamoate CAPS PO	8	INCRELEX	46	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	9
HYPERSAL NEBU	38	INCRUSE ELLIPTA	9	ipratropium-albuterol SOLN	10
HYQVIA	61	indapamide TABS PO 1.25 MG ...	45	irbesartan PO	20
ibandronate sodium SOLN	45	indapamide TABS PO 2.5 MG	45	irbesartan-hydrochlorothiazide PO	21
ibandronate sodium TABS PO	45	indomethacin CAPS PO 25 MG, 50 MG	4	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	29
IBRANCE CAPS	27	indomethacin CPCR PO	4	irrigation solutions, physiological ..	56
IBRANCE TABS	27	INFANRIX	64	ISENTRESS CHEW	31
ibuprofen SUSP PO 100 MG/5ML ..	4	INFLECTRA SOLR	48	ISENTRESS HD TABS PO	31
ibuprofen TABS PO 400 MG, 600 MG, 800 MG	4	INGREZZA CAPS	62	ISENTRESS TABS PO	31
icatibant acetate SOSY	49	INGREZZA CPPK	62	ISOLYTE-P IN D5W	55
ICLUSIG PO	27	INGREZZA CPSP	62	ISOLYTE-S	55
icosapent ethyl 1 GM	19	INLYTA	25	isoniazid SOLN	24
idarubicin hcl 20 MG/20ML	26	INREBIC	27	isoniazid SYRP PO	24
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	26	INSULIN ASP PROT & ASP FLEXPEN SUPN	16	isoniazid TABS PO	24
IDELVION	49	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN . 16		isosorbide dinitrate TABS PO 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	8
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	24	INSULIN ASPART PENFILL SOCT 16		isosorbide dinitrate-hydralazine hcl PO	34
ifosfamide SOLR	24	INSULIN ASPART PROT & ASPART SUSP	16	isosorbide mononitrate TABS PO ...	8
imatinib mesylate PO	27	INSULIN ASPART SOLN IJ	16	isosorbide mononitrate TB24 PO ...	8
IMBRUVICA CAPS 140 MG	27	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	16	isotretinoin PO 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	39
IMBRUVICA CAPS 70 MG	27				

isradipine CAPS PO	34	ketoconazole PO	18	26	
itraconazole CAPS PO	18	KETONE TEST STRP	44	KOGENATE FS KIT	49
itraconazole SOLN	18	ketoprofen CAPS PO 50 MG	4	KOSELUGO	27
ivabradine hcl TABS PO	35	ketorolac tromethamine (ophth)	60	KOVALTRY	49
ivermectin (pediculicide)	44	ketorolac tromethamine TABS PO	4	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS PO	57
ivermectin PO	7	KETOSTIX STRP	44	KRINTAFEL	23
IXEMPRA KIT 15 MG	29	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 60		K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	52
JAKAFI 10 MG, 20 MG	27	KEVZARA SOAJ	3	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	52
JAKAFI 5 MG, 15 MG, 25 MG	27	KEVZARA SOSY	3	KYPROLIS	27
JANSSEN COVID-19 VACCINE	67	KIMONO COLORS DEVI	52	labetalol hcl SOLN	33
JANUMET TABS PO	15	KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	52	labetalol hcl TABS PO 100 MG, 200 MG	33
JANUMET XR TB24 PO 1000 MG- 100 MG	15	KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	52	labetalol hcl TABS PO 300 MG	33
JANUMET XR TB24 PO 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	15	KIMONO MISC	52	lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML	12
JANUVIA PO	16	KIMONO PLUS MISC	52	lacosamide TABS PO	12
JARDIANCE PO	17	KIMONO PS MISC	52	lactated ringer's (irrigation)	56
JEVTANA	29	KIMONO PS PLUS MISC	52	lactated ringer's	55
JIVI	49	KIMONO SENSATION MISC	52	lactic acid (ammonium lactate) CREA	43
JULUCA	31	KIMONO SENSATION PLUS MISC	52	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	43
JYNARQUE TBPK	47	KIMONO SPECIAL DEVI	52	lactulose (encephalopathy) PO	48
KALYDECO TABS	63	KINRIX SUSY	64	lactulose SOLN PO	51
KAMELEON LUBRICATED MISC	52	KISQALI (200 MG DOSE)	27	lamivudine (hbv) TABS PO	32
KANJINTI	25	KISQALI (400 MG DOSE)	27	lamivudine SOLN PO	32
KCL IN DEXTROSE-NAACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	55	KISQALI (600 MG DOSE)	27	lamivudine TABS PO 150 MG	32
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	55	KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	26	lamivudine TABS PO 300 MG	32
KEPIVANCE 6.25 MG	28	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	26	lamivudine-zidovudine PO	32
ketoconazole (topical) CREA	39	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	26	lamotrigine CHEW PO 25 MG	12
ketoconazole (topical) SHAM 2 %	39				

lamotrigine CHEW PO 5 MG 12	levobunolol hcl 0.5 % 59	LEXIVA SUSP PO 32
lamotrigine TABS PO 12	levocetirizine dihydrochloride SOLN PO 19	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 % 51
lamotrigine TBDP PO 12	levocetirizine dihydrochloride TABS PO 19	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ... 56
LANOXIN SOLN IJ (digoxin) 34	levofloxacin (ophth) 0.5 % 59	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ... 56
LANOXIN TABS PO 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin) 34	levofloxacin in d5w 500 MG/100ML 47	lidocaine hcl GEL 2 % 43
lansoprazole CPDR PO 15 MG ... 65	levofloxacin SOLN PO 47	lidocaine hcl PRSY 43
lansoprazole CPDR PO 30 MG ... 65	levofloxacin TABS PO 47	lidocaine hcl SOLN 43
lanthanum carbonate CHEW PO .. 48	levonorgestrel & eth estradiol TABS PO 36	lidocaine PTCH 5 % 43
lapatinib ditosylate 27	levonorgestrel (emergency oc) PO 1.5 MG 37	lidocaine-prilocaine CREA 43
LASTACRAFT 60	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) PO 36	lincomycin hcl 22
latanoprost SOLN 60	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) PO 0.03 MG-0.15 MG 36	lindane SHAM 44
leflunomide PO 4	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) PO 36	linezolid SUSR 23
LEMTRADA 62	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron PO 36	linezolid TABS PO 23
lenalidomide PO 56	levorphanol tartrate TABS PO 2 MG . 5	LINZESS 48
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) .25	levothyroxine sodium TABS PO ... 64	liothyronine sodium SOLN 64
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) .25		liothyronine sodium TABS PO 64
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) .25		lisdexamfetamine dimesylate CAPS PO 1
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) .25		lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) .25		lisinopril & hydrochlorothiazide PO 21
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) .25		lisinopril TABS PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG 20
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) .. 25		lithium carbonate CAPS PO 29
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) .. 25		lithium carbonate TABS PO 30
letrozole PO 25		lithium carbonate TBCR PO 30
leucovorin calcium SOLR 28		lithium PO 29
leucovorin calcium TABS PO 28		LO LOESTRIN FE TABS 36
LEUKERAN PO 24		lofexidine hcl 62
LEUKINE SOLR IJ 50		LOKELMA 56
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML 25		
levabuterol hcl 10		

loperamide hcl CAPS PO	17	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	26	medroxyprogesterone acetate PO 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	61
lopinavir-ritonavir SOLN PO	32	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM ..	26	mefenamic acid CAPS PO	4
lopinavir-ritonavir TABS PO	32	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM ..	26	mefloquine hcl PO	23
loratadine CAPS PO	19	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) .	46	megestrol acetate (appetite) PO ...	61
loratadine CHEW PO	19	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH)	46	megestrol acetate SUSP PO	26
loratadine SOLN PO	19	11.25 MG	46	megestrol acetate TABS PO	26
loratadine TABS PO	19	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH)	46	MEKINIST TABS PO 0.5 MG	27
loratadine TBDP PO	19	30 MG	46	MEKINIST TABS PO 2 MG	27
lorazepam CONC PO	8	lurasidone hcl PO 20 MG, 40 MG, 60	30	MEKTOVI	27
lorazepam TABS PO 0.5 MG, 2 MG	8	MG, 120 MG	30	meloxicam TABS PO	4
lorazepam TABS PO 1 MG	8	lurasidone hcl PO 80 MG	30	melphalan hcl IV	24
LORBRENA	27	LYNPARZA TABS PO	27	melphalan PO	24
losartan potassium & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	21	LYSODREN PO	26	memantine hcl TABS PO	62
losartan potassium & hydrochlorothiazide PO 12.5 MG-50 MG	21	mafenide acetate PACK	41	MENACTRA	66
losartan potassium PO	20	magnesium sulfate IJ 50 %	55	MENEST PO	47
LOTEMAX OINT	60	malathion	44	MENOSTAR PTWK	47
loteprednol etabonate GEL	60	maraviroc TABS PO	32	MENQUADFI	66
loteprednol etabonate SUSP	60	MARPLAN PO	13	MENVEO SOLR	66
lovastatin TABS PO 10 MG, 20 MG	20	MASONATAL TABS PO	57	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	5
20		MATULANE PO	28	meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML	5
lovastatin TABS PO 40 MG	20	MAXIDEX SUSP OP	60	meperidine hcl TABS PO 50 MG ...	5
loxapine succinate PO	30	MAXX MISC	52	meprobamate PO	8
lubiprostone PO	47	MAXX PLUS MISC	52	mercaptopurine TABS PO	24
LUCEMYRA (lofexidine hcl)	62	meclizine hcl TABS PO 12.5 MG, 25 MG	18	meropenem	22
luliconazole	39	MG	18	mesalamine CP24	48
LUMIZYME	46	meclofenamate sodium CAPS PO ..	4	mesalamine CPDR PO	48
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	26	MEDROL TABS PO	37	mesalamine ENEM PR	48
		medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	37	mesalamine SUPP PR	48
		medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	37		

mesalamine TBEC PO 1.2 GM48	methylphenidate hcl CHEW PO 10 MG1	methyltestosterone TABS7
mesalamine TBEC PO 800 MG ... 48	methylphenidate hcl CHEW PO 2.5 MG1	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML 48
metaxalone PO 800 MG58	methylphenidate hcl CHEW PO 5 MG 1	metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML 48
metformin hcl TABS PO 1000 MG .16	methylphenidate hcl CP24 PO 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG2	metoclopramide hcl TABS PO48
metformin hcl TABS PO 500 MG ..16	methylphenidate hcl CP24 PO 30 MG 2	metolazone PO 45
metformin hcl TABS PO 850 MG ..16	methylphenidate hcl CP24 PO2	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG-100 MG, 50 MG- 100 MG 21
metformin hcl TB24 PO 500 MG ...16	methylphenidate hcl CPCR PO2	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS PO 25 MG-50 MG 21
metformin hcl TB24 PO 750 MG ...16	methylphenidate hcl SOLN PO 2	metoprolol succinate TB24 PO 200 MG 33
methadone hcl CONC PO5	methylphenidate hcl TABS PO 10 MG, 20 MG2	metoprolol succinate TB24 PO 25 MG, 50 MG, 100 MG33
methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .5	methylphenidate hcl TABS PO 5 MG 2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML33
METHADONE HCL SOLN IJ5	methylphenidate hcl TB24 PO 18 MG, 27 MG2	metoprolol tartrate TABS PO 25 MG, 50 MG, 100 MG33
methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML 5	methylphenidate hcl TB24 PO 36 MG, 54 MG2	metronidazole (topical) CREA 44
methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML 5	methylphenidate hcl TBCR PO 10 MG, 20 MG2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 44
methadone hcl TABS PO 10 MG ... 5	methylphenidate hcl TBCR PO 18 MG, 27 MG2	metronidazole (topical) GEL 1 % .. 44
methadone hcl TABS PO 5 MG5	methylphenidate hcl TBCR PO 36 MG, 54 MG2	metronidazole (topical) LOTN 44
methadone hcl TBSO PO5	methylphenidate PTCH 2	metronidazole TABS PO22
methamphetamine hcl PO1	methylprednisolone acetate SUSP 37	metronidazole vaginal68
methazolamide TABS PO 44	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG 37	mexiletine hcl PO8
methenamine hippurate PO23	methylprednisolone TABS PO37	micafungin sodium 18
methimazole TABS PO64	methylprednisolone TBPK PO37	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG 68
methocarbamol TABS PO 500 MG, 750 MG58		midodrine hcl PO 68
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML24		mifepristone 47
methotrexate sodium SOLR24		miglitol PO15
methotrexate sodium TABS PO 2.5 MG24		
methoxsalen rapid PO41		
methscopolamine bromide PO64		
methsuximide13		

miglustat	50	moexipril hcl PO	20	mycophenolate mofetil TABS PO ..	56
minocycline hcl CAPS PO	64	mometasone furoate (nasal) SUSP		mycophenolate sodium PO	56
minocycline hcl TABS PO	64	58		MYLERAN TABS PO	24
minoxidil PO 2.5 MG, 10 MG	22	mometasone furoate CREA	43	nabumetone PO	4
MIRCERA	50	mometasone furoate OINT	43	nadolol TABS PO 20 MG	33
mirtazapine TABS PO 15 MG	13	mometasone furoate SOLN	43	nadolol TABS PO 40 MG	33
mirtazapine TABS PO 30 MG	13	montelukast sodium CHEW PO	9	nadolol TABS PO 80 MG	33
mirtazapine TABS PO 7.5 MG, 45		montelukast sodium PACK PO	9	nafcillin sodium IV 10 GM	61
MG	13	montelukast sodium TABS PO	9	naftifine hcl CREA 1 %	40
mirtazapine TBDP PO 15 MG	13	morphine sulfate CP24 PO 10 MG,		naftifine hcl CREA 2 %	40
mirtazapine TBDP PO 30 MG	13	20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80		nalbuphine hcl	7
mirtazapine TBDP PO 45 MG	13	MG, 100 MG	5	naloxone hcl LIQD	17
misoprostol PO	65	morphine sulfate SOLN IJ 0.5		naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4	
mitomycin SOLR IV 20 MG	26	MG/ML, 1 MG/ML	5	MG/10ML	17
mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML ..	26	morphine sulfate SOLN PO 10		naltrexone hcl PO	17
M-M-R II SOLR	67	MG/5ML	5	naproxen sodium TABS PO 550 MG .	
M-NATAL PLUS TABS PO	57	morphine sulfate SOLN PO 20		4	
modafinil PO 100 MG	2	MG/5ML	5	naproxen SUSP PO	4
modafinil PO 200 MG	2	morphine sulfate TABS PO	6	naproxen TABS PO	4
MODERNA COVID-19 BIVAL 6M-5Y		morphine sulfate TBCR PO	6	naproxen TBEC PO 500 MG	4
.....	67	MOTOFEN PO	17	naratriptan hcl PO	54
MODERNA COVID-19 BIVALENT		MOVANTIK PO	48	NATACYN	59
67		moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	59	NATAZIA	36
MODERNA COVID-19 VAC		moxifloxacin hcl in sodium chloride	47	nateglinide PO	17
(BOOSTER) SUSP	67	47		NAYZILAM	11
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y		moxifloxacin hcl TABS PO	47	neбиволол hcl PO 2.5 MG, 5 MG, 10	
SUSP	67	MULPLETA	50	MG	33
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y		MULTI PRENATAL TABS PO	57	neбиволол hcl PO 20 MG	33
SUSY	67	mupirocin OINT	39	NEBUSAL NEBU	38
MODERNA COVID-19 VACC 6M-5Y		MVASI	25	nefazodone hcl PO	14
SUSP	67	MYALEPT	46	nelarabine	24
MODERNA COVID-19 VACCINE		mycophenolate mofetil CAPS PO .	56		
SUSP	67				

neomycin sulfate TABS PO	2	niacin CPCR PO 250 MG, 500 MG 69	nitrofurantoin PO	23	
neomycin-bacitracin zn-polymyxin	59	NIACIN ER TBCR PO	69	nitroglycerin (intra-anal) PR	7
neomycin-polymy-dexameth OINT	60	niacin TABS PO	69	nitroglycerin CPCR PO	8
neomycin-polymy-dexameth SUSP 60		niacin TBCR PO	69	nitroglycerin PT24	8
neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	60	niacinamide TABS PO	69	NITROGLYCERIN SOLN IV	8
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN . 60		nicardipine hcl CAPS PO	34	nitroglycerin SUBL	8
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP . 60		nicardipine hcl SOLN	34	NIVA-PLUS TABS PO	57
NEONATAL COMPLETE TABS PO		NICOTINE KIT	63	nizatidine CAPS PO	65
120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG- 10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG- 2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG ...	57	nicotine polacrilex GUM	63	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML	46
NEONATAL PLUS TABS PO	57	nicotine polacrilex LOZG	63	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	46
NEONATAL PRENATAL TABS PO	57	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	63	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	36
NEONATAL VITAMIN TABS PO ..	57	NICOTROL INHA	63	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	36
neostigmine methylsulfate SOSY ..	23	NICOTROL NS SOLN	63	norethin acet & estrad-fe CHEW PO . 36	
NEO-SYNALAR	39	nifedipine CAPS PO 10 MG	34	norethin acet & estrad-fe TABS PO 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	36
NEUPRO	29	nifedipine CAPS PO 20 MG	34	norethindrone & eth estradiol PO ..	36
NEVANAC	60	nifedipine TB24 PO 30 MG	34	norethindrone & ethinyl estradiol-fe PO	36
nevirapine SUSP PO	32	nifedipine TB24 PO 60 MG	34	norethindrone (contraceptive) PO ..	37
nevirapine TABS PO	32	nifedipine TB24 PO 90 MG	34	norethindrone acet & eth estra TABS PO	36
nevirapine TB24 PO 100 MG	32	nifedipine TB24 PO	34	norethindrone acetate TABS PO ..	61
nevirapine TB24 PO 400 MG	32	nilutamide PO	26	norethindrone acetate-ethinyl estradiol PO	47
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	65	nimodipine CAPS PO	34	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe PO	36
NEXLETOL	19	NINLARO	27	norethindrone-eth estradiol (triphasic) PO	36
NEXTSTELLIS	36	nisoldipine PO	34	norgestimate-ethinyl estradiol	
niacin (antihyperlipidemic) TBCR PO 20		nitazoxanide TABS PO	22		
		nitisinone CAPS PO	46		
		NITRO-BID OINT	8		
		nitrofurantoin macrocrystal PO 50 MG, 100 MG	23		
		nitrofurantoin monohyd macro PO	23		

(triphasic) PO	36	NUEDEXTA	63	olopatadine hcl (nasal)	58
norgestimate-ethinyl estradiol PO ..	36	NULOJIX	56	olopatadine hcl 0.1 %	60
norgestrel & ethinyl estradiol PO 30		nystatin (mouth-throat)	57	olopatadine hcl 0.2 %	60
MCG-0.3 MG	36	nystatin (topical) CREA	40	omega-3-acid ethyl esters PO	19
NORMOSOL-M IN D5W	55	nystatin (topical) OINT	40	omeprazole CPDR PO	65
NORMOSOL-R PH 7.4	55	nystatin (topical) POWD EX	40	omeprazole magnesium CPDR PO	65
nortriptyline hcl CAPS PO	15	nystatin TABS PO	18	omeprazole TBEC PO	65
nortriptyline hcl SOLN PO	15	nystatin-triamcinolone CREA	40	omeprazole-sodium bicarbonate	
NORVIR CAPS PO	32	nystatin-triamcinolone OINT	40	CAPS PO 1100 MG-20 MG	65
NORVIR PACK	32	NYVEPRIA	50	OMNIFLEX DIAPHRAGM	52
NORVIR SOLN	32	octreotide acetate SOLN	47	ONCASPAR	28
NOVA MAX PLUS KETONE TEST		octreotide acetate SOSY	47	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML .	17
44		ODEFSEY	32	ondansetron hcl SOLN PO 4	
NOVAREL IM 10000 UNIT	46	ODOMZO PO	25	MG/5ML	17
NOVAVAX COVID-19 VACCINE		OFEV	63	ondansetron hcl SOSY	17
SUSP	67	ofloxacin (ophth)	59	ondansetron hcl TABS PO 24 MG ..	18
NOVAVAX COVID-19 VACCINE		ofloxacin (otic)	60	ondansetron hcl TABS PO 4 MG ..	18
SUSY	67	ofloxacin PO 300 MG, 400 MG	47	ondansetron hcl TABS PO 8 MG ..	18
NOVOEIGHT	49	OGIVRI	25	ondansetron TBDP PO 4 MG	18
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16	olanzapine SOLR	30	ondansetron TBDP PO 8 MG	18
NOVOLIN 70/30 SUSP	16	olanzapine TABS PO 2.5 MG, 5 MG .	30	ONE VITE WOMENS PLUS TABS	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	17	olanzapine TABS PO 7.5 MG, 10		PO	57
NOVOLIN N SUSP	17	MG, 15 MG, 20 MG	30	ONE VITE WOMENS TABS PO ...	57
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	17	olanzapine TBDP PO 20 MG	30	ONETOUCH DELICA SAFETY	
NOVOLIN R SOLN IJ	17	olanzapine TBDP PO 5 MG, 10 MG,		LANCING	53
NP THYROID TABS PO	64	15 MG	30	OPILL PO	37
NUBEQA	26	olmesartan medoxomil PO	20	OPSUMIT	35
NUCALA SOAJ	9	olmesartan medoxomil-amlodipine-		ORENITRAM TBCR	35
NUCALA SOLR	9	hydrochlorothiazide PO	21	ORGOVYX	26
NUCALA SOSY 100 MG/ML	9	olmesartan medoxomil-		ORLISSA	46
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	9	hydrochlorothiazide PO	21		

ORKAMBI PACK	63	PO 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7	paroxetine hcl TABS PO 20 MG ...	14
ORKAMBI TABS	63	oxycodone w/ acetaminophen TABS PO 325 MG-2.5 MG	7	paroxetine hcl TABS PO 30 MG ...	14
ORLADEYO	49	oxymorphone hcl TABS PO	6	paroxetine hcl TABS PO 40 MG ...	14
orphenadrine citrate TB12 PO	58	oxymorphone hcl TB12 PO 40 MG .	6	paroxetine hcl TB24 PO 12.5 MG .	14
orphenadrine w/ aspirin & caff PO 385 MG-30 MG-25 MG	58	oxymorphone hcl TB12 PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	6	paroxetine hcl TB24 PO 25 MG, 37.5 MG	14
oseltamivir phosphate CAPS PO ..	33	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	16	pazopanib hcl	27
oseltamivir phosphate SUSR PO ..	33	OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	16	PEDIARIX SUSY	64
OSMOPREP PO	51	OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ...	16	pediatric multivitamins w/fl CHEW PO	57
OSPHENA PO	46	paclitaxel 100 MG/16.7ML	29	PEDVAX HIB SUSP	66
OTEZLA TABS PO	4	paclitaxel 150 MG/25ML	29	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid PO	51
OTEZLA TBPK PO	4	paclitaxel protein-bound particles ..	29	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR PO 236 GM	51
oxacillin sodium IV 10 GM	61	paliperidone PO 1.5 MG, 3 MG, 9 MG	30	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride PO	51
oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	24	paliperidone PO 6 MG	30	PEGASYS SOLN	32
oxandrolone PO	7	palonosetron hcl SOLN	18	PEGASYS SOSY	32
oxaprozin TABS PO	4	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	45	PEMAZYRE	27
oxazepam CAPS PO	8	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 45		pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24	
oxcarbazepine SUSP PO	12	PANRETIN	40	penciclovir	41
oxcarbazepine TABS PO 150 MG, 300 MG	12	pantoprazole sodium TBEC PO 20 MG	65	penicillamine CAPS PO	56
oxcarbazepine TABS PO 600 MG .	12	pantoprazole sodium TBEC PO 40 MG	65	penicillamine TABS PO	56
oxiconazole nitrate CREA	40	paricalcitol CAPS PO	46	PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .	61
OXISTAT LOTN	40	paricalcitol SOLN	46	penicillin g potassium 5000000 UNIT 61	
oxybutynin chloride SOLN	65	paroxetine hcl SUSP PO	14	PENICILLIN G PROCAINE	61
oxybutynin chloride TABS PO 5 MG .	65	paroxetine hcl TABS PO 10 MG ...	14	penicillin g sodium	61
oxybutynin chloride TB24 PO	65			penicillin v potassium SOLR PO ...	61
oxycodone hcl T12A PO 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6				
oxycodone hcl TABS PO	6				
oxycodone w/ acetaminophen TABS					

penicillin v potassium TABS PO ...61	phenobarbital TABS PO 51	55
PENTACEL64	phenoxybenzamine hcl PO 20	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..55
pentazocine w/ naloxone hcl PO7	phentermine hcl CAPS PO1	PLEGRIDY SOAJ63
pentoxifylline PO49	phenytoin CHEW PO 13	PLEGRIDY SOSY SC 63
perindopril erbumine PO 2 MG, 8 MG20	phenytoin sodium extended PO 100 MG, 200 MG, 300 MG 13	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ . 62
perindopril erbumine PO 4 MG 20	phenytoin sodium SOLN13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC62
PERJETA25	phenytoin SUSP PO 13	plerixafor50
permethrin CREA44	PHEXXI68	PNEUMOVAX 23 SOLN66
permethrin LIQD EX44	PHOTOFRIN 28	PNEUMOVAX 23 SOSY66
perphenazine TABS PO 31	PIFELTRO32	podofilox SOLN 43
perphenazine-amitriptyline PO62	pilocarpine hcl (oral) PO 57	polymyxin b sulfate SOLR 23
PERSERIS PRSY30	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 59	polymyxin b-trimethoprim 59
PFIZER COVID-19 BIVAL 6MO-4YR67	pimecrolimus 43	POMALYST 26
PFIZER COVID-19 VAC BIVAL 5-1167	pimozide PO 63	posaconazole SUSP18
PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT . 67	pindolol TABS PO33	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 55
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP67	pioglitazone hcl PO 17	potassium bicarbonate TBEF PO ..55
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP67	pioglitazone hcl-glimepiride 15	potassium chloride CPCR PO55
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC- TRIS SUSP 67	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS PO15	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %55
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP67	piperacillin sodium-tazobactam sodium61	potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L55
PHEBURANE PLLT46	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) .27	POTASSIUM CHLORIDE IN NAACL 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl) 55
phenazopyridine hcl TABS PO 100 MG, 200 MG49	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) .27	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L- 0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-
phendimetrazine tartrate TABS PO .1	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) .27	
phenelzine sulfate PO 13	pirfenidone CAPS63	
phenobarbital ELIX PO 51	pirfenidone TABS PO 267 MG, 801 MG 63	
	pirfenidone TABS PO 534 MG63	
	piroxicam CAPS PO4	
	PLASMA-LYTE 148 (electrolyte-148).	

0.9 %	55	prednisolone sodium phosphate SOLN PO 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	37	PRENATAL VITAMIN TABS PO ...	57
potassium chloride microencapsulated crystals er PO	55	prednisolone sodium phosphate TBDP PO	37	PRENATAL VITAMINS TABS PO 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	57
potassium chloride PACK PO 20 MEQ	55	prednisone SOLN PO	37	PRENATAL/IRON TABS PO 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	58
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 56		prednisone TABS PO	37	PRENATRIX TABS PO	58
potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	56	pregabalin (once-daily) 330 MG ...	63	PRENATRYL TABS PO	58
potassium chloride TBCR PO 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	56	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	63	PREVNAR 13	66
potassium citrate (alkalinizer) TBCR PO	48	pregabalin CAPS PO 225 MG, 300 MG	12	PREVNAR 20	66
potassium phosphates 45 MMOLE/15ML	55	pregabalin CAPS PO 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG 12		PREZCOBIX	32
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	39	pregabalin SOLN	12	PREZISTA SUSP	32
pralatrexate 20 MG/ML	24	PREHEVBRIO	67	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	32
pramipexole dihydrochloride TABS PO 0.125 MG	29	PREMARIN	68	PRIFTIN PO	24
pramipexole dihydrochloride TABS PO 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	29	PREMARIN SOLR	47	primaquine phosphate TABS PO ..	23
prasugrel hcl PO	50	PREMARIN TABS PO	47	primidone PO 50 MG, 250 MG	12
pravastatin sodium PO	20	PREMPHASE PO	47	PRIORIX SUSR	67
praziquantel PO	7	PREMPRO PO	47	probenecid PO	49
prazosin hcl CAPS PO	21	PRENATAL ONE DAILY TABS PO 57		procainamide hcl SOLN 500 MG/ML .	8
PRECISION XTRA KETONE	44	PRENATAL PLUS TABS PO	57	prochlorperazine maleate TABS PO .	31
PRED MILD	60	PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS PO	57	prochlorperazine PR	31
prednicarbate OINT	43	PRENATAL TABS PO	58	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	50
prednisolone acetate (ophth)	60	PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS PO	57	PROCRIT 40000 UNIT/ML	50

progesterone CAPS PO	62	pyridostigmine bromide SOLN PO	.23	raloxifene hcl PO	46
PROGRAF PACK	56	pyridostigmine bromide TABS PO	60	ramelteon PO	51
PROGRAF SOLN	56	MG	23	ramipril CAPS PO	20
PROLASTIN-C SOLN	63	pyridostigmine bromide TBCR PO	.23	ranolazine TB12 PO 1000 MG	8
PROLASTIN-C SOLR	63	pyrimethamine PO	23	ranolazine TB12 PO 500 MG	8
PROLEUKIN	28	QC PRENATAL TABS PO	58	rasagiline mesylate PO	29
PROLIA SOSY	45	QINLOCK	27	REALITY LATEX CONDOMS MISC	52
PROMACTA PACK	50	QUADRACEL SUSP	64	REALITY LATEX/ULTRA	
PROMACTA TABS PO	50	QUADRACEL SUSY	64	TEXTURED DEVI	52
promethazine hcl SOLN PO 6.25		quetiapine fumarate TABS PO 25		REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	
MG/5ML	19	MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG	30	52	
promethazine hcl SUPP PR 12.5 MG,		quetiapine fumarate TABS PO 300		REBIF REBIDOSE SOAJ	63
25 MG	19	MG, 400 MG	30	REBIF REBIDOSE TITRATION	
promethazine hcl SUPP PR 50 MG		quetiapine fumarate TB24 PO 300		PACK SOAJ	63
19		MG, 400 MG	30	REBIF SOSY	63
promethazine hcl TABS PO	19	quetiapine fumarate TB24 PO 50		REBIF TITRATION PACK SOSY	63
propafenone hcl CP12 PO	8	MG, 150 MG, 200 MG	30	RECOMBIVAX HB SUSP	68
propafenone hcl TABS PO	8	quinapril hcl PO 20 MG, 40 MG	20	RECOMBIVAX HB SUSY	68
proparacaine hcl	59	quinapril hcl PO 5 MG, 10 MG	20	REGRANEX	44
propranolol hcl CP24 PO	33	quinapril-hydrochlorothiazide PO		RELENZA DISKHALER	33
propranolol hcl SOLN PO 20		12.5 MG-10 MG	21	RELION KETONE TEST STRP	44
MG/5ML, 40 MG/5ML	33	quinapril-hydrochlorothiazide PO		RELION LANCET DEVICES 30G	53
propranolol hcl TABS PO	33	12.5 MG-20 MG	21	RELION LANCETS	53
propylthiouracil PO	64	quinapril-hydrochlorothiazide PO 25		RENFLIXIS	48
PROQUAD SUSR	68	MG-20 MG	21	repaglinide PO 0.5 MG, 1 MG	17
protriptyline hcl PO	15	quinidine sulfate TABS PO	8	repaglinide PO 2 MG	17
PROVISC SOSY	60	quinine sulfate CAPS PO 324 MG	.23	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM	
PULMICORT FLEXHALER AEPB	9	QUZYTIR SOLN IV	19	SOCT	20
PULMOZYME	63	QVAR REDHALER	9	REPATHA SOSY	20
PX PRENATAL MULTIVITAMINS		RA PRENATAL FORMULA TABS		REPATHA SURECLICK SOAJ	20
TABS PO	58	PO	58	RETACRIT	50
pyrazinamide PO	24	RA PRENATAL TABS PO	58		
		rabeprazole sodium TBEC PO	65		

RETEVMO CAPS	27	54	62
RETROVIR SOLN	32	rizatriptan benzoate TABS PO 5 MG .	saxagliptin hcl PO
REXULTI	31	54	saxagliptin-metformin hcl PO 1000
REZVOGLAR KWIKPEN	17	rizatriptan benzoate TBDP PO 10	MG-2.5 MG
ribavirin (hepatitis c) CAPS PO	32	MG	54
ribavirin (hepatitis c) TABS PO 200		rizatriptan benzoate TBDP PO 5 MG .	saxagliptin-metformin hcl PO 1000
MG	32	54	MG-5 MG, 500 MG-5 MG
RIDAURA PO	3	roflumilast PO	9
rifabutin PO	24	romidepsin SOLR	27
rifampin CAPS PO	24	ropinirole hydrochloride TABS PO .	29
rifampin SOLR	24	ropinirole hydrochloride TB24 PO 2	MG, 4 MG, 6 MG
riluzole TABS PO	59	ropinirole hydrochloride TB24 PO 8	MG, 12 MG
rimantadine hydrochloride TABS PO .	33	rosuvastatin calcium TABS PO ...	20
ringer's	55	ROTARIX SUSP	68
ringer's irrigation	56	ROTARIX SUSR PO	68
RINVOQ LQ SOLN	2	ROTATEQ SOLN PO	68
RINVOQ TB24 PO	2	ROZLYTREK CAPS	27
risedronate sodium TABS PO 150		RUBRACA	28
MG	45	RUCONEST	49
risedronate sodium TABS PO 35 MG		rufinamide SUSP	12
45		rufinamide TABS PO 200 MG	12
risedronate sodium TABS PO 5 MG,		rufinamide TABS PO 400 MG	12
30 MG	45	RUXIENCE	25
risedronate sodium TBEC PO	45	RYBELSUS TABS PO	16
risperidone microspheres	30	salsalate PO	5
risperidone SOLN PO	30	SANTYL OINT	43
risperidone TABS PO	30	sapropterin dihydrochloride PACK	46
risperidone TBDP PO	30	sapropterin dihydrochloride TABS	46
ritonavir TABS PO	32	SAVELLA TABS PO	62
rivastigmine tartrate CAPS PO	62	SAVELLA TITRATION PACK MISC	
rizatriptan benzoate TABS PO 10 MG			

sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	35	sodium fluoride CHEW PO	55	spinosad	44
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS PO	35	sodium phenylbutyrate POWD PO	46	SPIRIVA RESPIMAT AERS	9
sildenafil citrate PO	34	sodium phenylbutyrate TABS PO	46	spironolactone & hydrochlorothiazide PO	45
silodosin PO	49	sodium polystyrene sulfonate POWD PO	56	spironolactone TABS PO	45
silver sulfadiazine	41	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML	56	SPRAVATO (56 MG DOSE)	14
SIMPONI ARIA SOLN	3	sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate	51	SPRAVATO (84 MG DOSE)	14
SIMULECT	56	SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	32	SPRYCEL (dasatinib)	28
simvastatin TABS PO	20	solifenacin succinate TABS PO	65	stannous fluoride CONC	57
sirolimus TABS PO	56	SOLQUA	15	stavudine CAPS PO	32
SIRTURO	24	SOLOSEC	2	STELARA 130 MG/26ML	48
SIVEXTRO TABS	23	SOLU-CORTEF (hydrocortisone sodium succinate)	37	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	41
SKYRIZI (150 MG DOSE) PSKT	41	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	37	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	41
SKYRIZI PEN SOAJ	41	SOLU-CORTEF 250 MG	37	STELARA SOSY 90 MG/ML	41
SKYRIZI SOCT	48	SOLU-MEDROL 2 GM	37	STIOLTO RESPIMAT	10
SKYRIZI SOLN	48	sorafenib tosylate PO	28	STIVARGA	28
SKYRIZI SOSY	41	SORBITOL 3 %	48	STRENSIQ	46
SLO-NIACIN TBCR PO 500 MG, 750 MG (niacin)	69	SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	48	streptomycin sulfate SOLR	2
SLYND PO	37	sotalol hcl (afib/afi) PO	33	STRIBILD	32
SM PRENATAL VITAMINS TABS PO	58	sotalol hcl TABS PO 240 MG	33	STRIVERDI RESPIMAT	10
SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	55	sotalol hcl TABS PO 80 MG, 120 MG, 160 MG	33	SUBSYS LIQD 100 MCG	6
sodium acetate SOLN	55	SOVALDI TABS	33	SUBSYS LIQD 1200 MCG, 1600 MCG, 800 MCG	6
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	48	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	68	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	6
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	38	SPIKEVAX SUSP	68	sucralfate SUSP PO	65
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	56	SPIKEVAX SUSY	68	sucralfate TABS PO	65
sodium citrate & citric acid PO	48			sulconazole nitrate CREA	40
				sulconazole nitrate SOLN	40
				sulfacetamide sodium (acne)	39
				sulfacetamide sodium (ophth) SOLN	

59	SUNOSI PO 75 MG	1	TDVAX SUSP	64	
sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	39	SYNAREL	46	TEFLARO	36
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	39	SYNERA PTCH	43	TEGRETOL SUSP PO (carbamazepine)	12
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	39	SYNJARDY TABS	16	TEGRETOL TABS PO (carbamazepine)	12
sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	39	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	telmisartan PO	21
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	60	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	16	telmisartan-amlodipine PO	21
sulfadiazine TABS PO	63	SYNRIBO	28	telmisartan-hydrochlorothiazide PO 21	
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	22	TABLOID PO	24	temazepam PO	51
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP PO	22	TABRECTA	28	TEMODAR SOLR	24
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS PO	22	tacrolimus (topical) OINT	43	temozolomide CAPS PO	24
SULFAMYLON CREA	41	tacrolimus CAPS PO	56	temsirolimus	28
sulfasalazine TABS PO	48	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS PO	35	TENIVAC INJ	64
sulfasalazine TBEC PO	48	tadalafil PO 5 MG	34	tenofovir disoproxil fumarate TABS PO	32
sulindac TABS PO	4	TAFINLAR CAPS PO	28	terazosin hcl PO	21
sumatriptan	54	tafluprost	60	terbinafine hcl TABS PO	18
sumatriptan succinate SOAJ	54	TAGRISSO 40 MG	25	terbutaline sulfate SOLN	10
sumatriptan succinate SOCT	54	TAGRISSO 80 MG	25	terbutaline sulfate TABS PO	10
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	54	TAKHZYRO SOLN	49	terconazole vaginal CREA	68
sumatriptan succinate TABS PO ..	54	TAKHZYRO SOSY	49	terconazole vaginal SUPP	68
sumatriptan-naproxen sodium PO .	54	TALZENNA	28	teriflunomide PO	63
sunitinib malate PO 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	28	tamoxifen citrate TABS PO	26	teriparatide SOPN	45
sunitinib malate PO 37.5 MG	28	tamsulosin hcl PO	49	testosterone cypionate SOLN IM ...	7
SUNOSI PO 150 MG	1	TASIGNA	28	testosterone enanthate SOLN IM ...	7
		tavaborole	40	TETANUS-DIPHThERIA TOXOIDS TD SUSP	64
		TAVALISSE	49	tetrabenazine PO	62
		tazarotene CREA 0.1 %	41	tetracycline hcl CAPS PO	64
		TAZVERIK	28	THALOMID PO	56

theophylline ELIX PO	10	tobramycin-dexamethasone SUSP 60	tranexamic acid TABS PO	51	
theophylline SOLN PO	10	TODAY SPONGE MISC	68	tranylcypromine sulfate PO	14
theophylline TB12 PO	10	tolcapone PO	29	travoprost SOLN	60
theophylline TB24 PO	10	tolmetin sodium CAPS PO	4	TRAZIMERA	25
THERANATAL CORE NUTRITION TABS PO	58	tolmetin sodium TABS PO 600 MG .	4	trazodone hcl TABS PO	14
THIOLA EC TBEC 100 MG (tiopronin)	49	TOLSURA CAPS PO	18	TRECATOR PO	24
THIOLA EC TBEC 300 MG (tiopronin)	49	tolterodine tartrate CP24 PO	65	TRELEGY ELLIPTA	10
thioridazine hcl PO	31	tolterodine tartrate TABS PO	65	TRELSTAR MIXJECT	26
thiotepa 15 MG	24	tolvaptan TABS	47	TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	41
thiothixene PO	31	topiramate CPSP PO 15 MG	12	TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML ...	41
THYMOGLOBULIN	56	topiramate CPSP PO 25 MG	12	TREMFYA SOLN	41
THYROGEN 0.9 MG	44	topiramate CS24 PO	12	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	41
tiagabine hcl PO	13	topiramate TABS PO 200 MG	12	TREMFYA SOSY 200 MG/2ML ...	41
TIBSOVO	28	topiramate TABS PO 25 MG, 100 MG	12	treprostinil SOLN IJ	35
tigecycline	63	topiramate TABS PO 50 MG	12	tretinoin (chemotherapy) PO	28
timolol maleate (ophth) SOLG	59	topotecan hcl SOLR	29	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	39
timolol maleate (ophth) SOLN	59	toremifene citrate PO	26	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	39
timolol maleate TABS PO	34	torsemide TABS PO	45	tretinoin microsphere 0.1 %	39
tiopronin TBEC 100 MG	49	TRACLEER TBSO	35	TREXALL TABS PO 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	24
tiopronin TBEC 300 MG	49	tramadol hcl TABS PO 50 MG	6	triamcinolone acetonide (mouth) ..	57
tiotropium bromide monohydrate CAPS	9	tramadol hcl TB24 PO	6	triamcinolone acetonide (nasal) AERO	58
TIVICAY TABS	32	tramadol-acetaminophen PO	7	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	43
tizanidine hcl CAPS PO	58	trandolapril PO 1 MG, 2 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	43
tizanidine hcl TABS PO	58	trandolapril PO 4 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	43
tobramycin (ophth) SOLN	59	trandolapril-verapamil hcl PO 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	22	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	43
tobramycin NEBU	2	trandolapril-verapamil hcl PO 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	21	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	43
tobramycin sulfate SOLN IJ 2 GM/50ML, 10 MG/ML, 80 MG/2ML .	2	tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	51		

triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %43	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC53	TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC53
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %43	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC 53	TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC . 53
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %43	TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC . 53	TRUSTEX-NONOXYNOL- 9/RIB/STUD MISC53
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML38	tropicamide SOLN 0.5 %59	TRUXIMA25
triamterene & hydrochlorothiazide CAPS PO 25 MG-37.5 MG45	tropicamide SOLN 1 %59	TUKYSA25
triamterene & hydrochlorothiazide TABS PO45	trospium chloride CP24 PO65	TURALIO PO28
triamterene CAPS PO45	trospium chloride TABS PO65	TUZISTRA XR PO38
triazolam PO51	TRUE COVER DEVI53	TWINRIX SUSY68
TRICARE TABS PO58	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP44	TWIRLA37
trientine hcl PO 250 MG56	TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ...53	TYBLUME CHEW36
trifluoperazine hcl TABS PO31	TRULICITY16	TYBOST32
trifluridine59	TRUMENBA66	TYMLOS45
trihexyphenidyl hcl SOLN29	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC53	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...35
trihexyphenidyl hcl TABS PO29	TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDDED MISC53	TYVASO SOLN IN35
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .16	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC53	TYVASO STARTER KIT SOLN IN .35
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG16	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC53	UBRELVY PO54
TRIKAFTA TBPK63	TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC53	UDENYCA ONBODY SOSY50
trimethobenzamide hcl CAPS PO .18	TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC53	UDENYCA SOAJ50
trimethoprim TABS PO22	TRUSTEX LUBRICATED MISC ...53	UDENYCA SOSY50
trimipramine maleate CAPS PO ...15	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 53	UPTRAVI TABS 200 MCG35
TRINTELLIX PO14	TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC53	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG35
TRIUMEQ TABS32		UPTRAVI TITRATION TBPK35
TRIZIVIR PO32		ursodiol CAPS PO47
TROJAN MAGNUM MISC52		ursodiol TABS PO47
TROJAN ULTRA THIN MISC53		UVADEX28
		valacyclovir hcl PO 1 GM33
		valacyclovir hcl PO 500 MG33

valganciclovir hcl TABS PO	32	venlafaxine hcl TB24 PO 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	15	voriconazole TABS PO	18
valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML	13	verapamil hcl CP24 PO 100 MG, 200 MG, 300 MG	34	VOSEVI	33
valproic acid CAPS PO	13	verapamil hcl CP24 PO 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	34	VYNDAMAX	35
valrubicin	26	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML	34	VYNDAQEL	35
valsartan TABS PO	21	verapamil hcl TABS PO	34	warfarin sodium TABS PO	10
valsartan-hydrochlorothiazide PO	22	verapamil hcl TBCR PO	34	water for irrigation, sterile	56
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	11	VEREGEN	39	WESTAB PLUS TABS PO	58
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	11	VERZENIO	28	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	53
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	11	VICTOZA (liraglutide)	16	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	53
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	11	vigabatrin PACK	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	53
vancomycin hcl CAPS PO	22	vigabatrin TABS	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	53
vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG	22	VIIBRYD STARTER PACK KIT PO 14		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	53
vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML	22	vilazodone hcl TABS	14	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	53
VAQTA	68	vincristine sulfate	29	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	53
varenicline tartrate TABS PO	63	vinorelbine tartrate 10 MG/ML	29	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	53
varenicline tartrate TBPK	63	VIRACEPT TABS PO 250 MG	32	XALKORI CAPS	28
VARIVAX SUSR	68	VIRACEPT TABS PO 625 MG	32	XARELTO STARTER PACK TBPK 10	
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK PO	18	VIREAD POWD	32	XARELTO SUSR	10
VAXNEUVANCE	66	VIREAD TABS PO 150 MG, 200 MG, 250 MG	32	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	10
VECAMYL PO	22	VISTOGARD	17	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	11
VECTIBIX 100 MG/5ML	25	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	68	XELJANZ SOLN	2
VELPHORO	48	VITATHELY WITH GINGER TABS PO	58	XELJANZ TABS	2
venlafaxine hcl CP24 PO 150 MG	15	VITRAKVI CAPS PO	28	XELJANZ XR TB24 PO	2
venlafaxine hcl CP24 PO 37.5 MG	15	VITRAKVI SOLN	28	XEOMIN	59
venlafaxine hcl CP24 PO 75 MG	15	VIZIMPRO	25	XERAVA	63
venlafaxine hcl TABS PO	15	VORAXAZE	28	XGEVA SOLN	45
venlafaxine hcl TB24 PO 150 MG	15			XHANCE EXHU	58
				XIFAXAN PO	22
				XIGDUO XR PO (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	16

XIGDUO XR PO 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG16	YUFLYMA (1 PEN) AJKT 3	ZIRGAN GEL 59
XIGDUO XR PO 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG16	YUFLYMA (2 PEN) AJKT 3	ZOLADEX 10.8 MG26
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML 9	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT3	ZOLADEX 3.6 MG 26
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML 9	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT3	zoledronic acid CONC 45
XOLAIR SOLR 9	zafirlukast PO9	zoledronic acid SOLN 45
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML 9	zaleplon PO 10 MG51	ZOLINZA 28
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML9	zaleplon PO 5 MG 51	zolmitriptan SOLN 54
XOSPATA28	ZALTRAP 100 MG/4ML 25	zolmitriptan TABS PO 55
XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) PO 50 MG26	ZANOSAR24	zolmitriptan TBDP PO 55
XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY) PO 40 MG26	ZARONTIN CAPS PO (ethosuximide)13	zolpidem tartrate TABS PO51
XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) PO 40 MG26	ZARXIO50	zolpidem tartrate TBCR PO 51
XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) PO 60 MG26	ZEJULA CAPS PO28	zonisamide CAPS PO 13
XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY) PO26	ZEJULA TABS 100 MG28	ZONTIVITY PO 50
XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) PO 40 MG26	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG ..28	ZORBTIVE SC46
XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) PO26	ZELBORAF PO 28	ZYDELIG 28
XTANDI CAPS26	ZENPEP CPEP PO 105000 UNIT- 79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT- 10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT- 63000 UNIT-20000 UNIT 44	ZYLET60
XTANDI TABS 40 MG 26	ZENPEP CPEP PO 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT44	ZYRTEC ALLERGY TABS PO (cetirizine hcl) 19
XTANDI TABS 80 MG 26	zidovudine CAPS PO 32	
XULTOPHY16	zidovudine SYRP PO 32	
XYNTHA49	zidovudine TABS PO 32	
XYNTHA SOLOFUSE49	zileuton TB12 PO9	
YERVOY 25	ziprasidone hcl PO30	
YONSA26	ZIRABEV 25	

Ambetter from WellCare of New Jersey được bảo lãnh bởi WellCare Health Insurance Company of New Jersey, Inc., đây là đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế New Jersey. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2024 WellCare Health Insurance Company of New Jersey, Inc., Ambetter.WellCareNewJersey.com. Để biết thông tin về quyền được nhận một chương trình Ambetter from WellCare of New Jersey mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com và cuộn xuống cuối trang.